



1369

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37,38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương

Điện thoại: 0320.3891898

Fax: 0320.3891898

Website: cpxd1369.com

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2018

Mục lục

	Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	06
	Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	07
	Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật	08
A	THÔNG TIN CHUNG	10
	A1. Thông tin khái quát	12
	A2. Quá trình hình thành và phát triển	14
	A3. Sự kiện nổi bật	16
	A4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	17
	A5. Mô hình quản trị	18
	A6. Ban lãnh đạo	22
	A7. Phân tích SWOT	26
B	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018	28
	B1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018	30
	B2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư	34
	B3. Tình hình tài chính	35
	B4. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	38
C	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	40
	C1. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	42
	C2. Tình hình tài chính	45
	C3. Kế hoạch kinh doanh năm 2019	46
D	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	48
	D1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018	50
	D2. Hoạt động của HĐQT	51
	D3. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị	53
	D4. Phương hướng hoạt động của HĐQT & nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	54
E	QUẢN TRỊ CÔNG TY	56
	E1. Hội đồng quản trị	58
	E2. Ban kiểm soát	58
F	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	64
	F1. Những tác động liên quan đến môi trường & cộng đồng địa phương	66
	F2. Chính sách người lao động	68
G	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70
	G1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán	75
	G2. Bảng cân đối kế toán	77
	G3. Báo cáo kết quả kinh doanh	79
	G4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	80
	G5. Thuyết minh Báo cáo tài chính	81



THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369, Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời cảm ơn và lời chúc tốt đẹp nhất tới quý vị - những người đã dành thời gian và tâm huyết, đồng hành cùng Công ty trong suốt khoảng thời gian vừa qua.

Thưa quý vị, Theo đánh giá của Tổng cục thống kê, năm vừa qua, ngành Xây dựng nội địa tiếp tục có một năm tăng trưởng ấn tượng 9,16%, tăng gần 0,5% so với cùng kỳ năm 2017. Việt Nam vẫn nằm trong top những điểm đầu tư hấp dẫn nhất châu Á với dư địa phát triển dồi dào, nhân công giá rẻ và tầng lớp trung lưu phát triển nhanh. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới, Việt Nam có tỉ lệ đô thị hóa thấp so với khu vực, tuy nhiên tốc độ đô thị hóa lại dẫn hàng đầu, ẩn chứa tiềm năng phát triển lớn cho ngành Xây dựng nói riêng, và toàn nền kinh tế nội địa nói chung. Thị trường bất động sản sôi động trong năm 2018 là minh chứng rõ ràng nhất cho xu thế này.

Tuy nhiên, đi kèm với thuận lợi luôn là khó khăn, thử thách. Nhìn chung, kinh tế Việt Nam đón nhận nhiều thông tin trái chiều trong năm 2018 vừa qua, những biến động kinh tế vĩ mô này vừa thúc đẩy ngành Xây dựng, vừa đặt ra những khó khăn, thách thức trong tương lai. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức được thông qua bởi 7 nước thành viên, trong đó có Việt Nam, và sẽ có hiệu lực bắt đầu từ ngày 31/12/2018. Đây là bước tiến vô cùng lớn trong việc thúc đẩy kinh tế, nâng tầm Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế, tạo xu hướng công nghiệp hóa, đầu tư rõ nét vào hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa. Hơn nữa, quan hệ kinh tế Mỹ - Trung xảy ra diễn biến bất ngờ với loạt chiến tranh thương mại cùng cấm vận tới từ cả hai phía, biến Việt Nam trở thành đối tác cung cấp mới của nhiều nhà sản xuất, thương mại khi các doanh nghiệp này đang cố gắng chuyển đổi nguồn cung từ Trung Quốc. Những xu hướng mới trong kinh tế toàn cầu này đang tạo cơ hội rất lớn cho Công ty trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế, khó khăn, thách thức vẫn hiện hữu khi việc nắm bắt nhu cầu thị trường, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu khắt khe vẫn luôn là một bài toán cần được giải, cùng với việc lãi suất ngân hàng tăng mạnh trong năm đặt gánh nặng tài chính lớn cho Công ty.

Vượt qua biến động kinh tế không mấy khả quan của năm 2018, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tiếp tục có bước phát triển cả về mặt doanh thu và lợi nhuận. Mặc dù quy mô còn tương đối nhỏ và hoạt động trên địa bàn còn hạn chế, nhưng Công ty đã ghi nhận doanh thu thuần năm 2018 đạt hơn 199 tỷ với tốc độ tăng 11%; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 5 tỷ với tốc độ tăng 34% so với cùng kỳ năm ngoái. Thành công này có được là do công tác bán hàng, quản lý doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh hoàn thiện, cùng đó là việc tiết giảm chi phí, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đối tác. Với thực trạng kinh doanh gặp nhiều thuận lợi và dư địa phát triển còn nhiều, Ban Lãnh đạo Công ty quyết tâm đặt mục tiêu tăng trưởng cao hơn so với năm trước, thông qua việc tăng số lượng đơn hàng, chú trọng phát triển bộ thương hiệu nhận diện tới từng khách hàng tiềm năng, đảm bảo chất lượng trong từng công trình từ những thứ nhỏ nhất nhằm giữ mối quan hệ lâu dài với khách hàng và không làm ảnh hưởng tới uy tín Công ty. Nhiệm vụ của Công ty hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự giúp đỡ của quý vị.

Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 đã đi được một chặng đường dài. Trải qua 15 năm phát triển không ngừng, năm 2018 đánh dấu sự lớn mạnh của Công ty với việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng, gấp hai lần so với trước đó. Qua đây, Ban Lãnh đạo Công ty xin một lần nữa được gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, và cán bộ công nhân viên đã tin tưởng sánh vai cùng chúng tôi vượt qua nhiều khó khăn thử thách. Năm 2019 chắc chắn sẽ đem lại những thử thách lớn hơn nữa, khó khăn hơn nữa, nhưng chúng tôi, Ban Lãnh đạo Công ty, vẫn sẽ lạc quan vào một tương lai xán lạn. Cùng nhau, chúng ta sẽ đặt những tiền đề mới, xây dựng những dấu mốc mới, như cách mà Công ty đã mạnh mẽ không ngừng phát triển trong 15 năm vừa qua.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ MINH TÂN



TÂM NHÌN

Trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất, kinh doanh xuất khẩu khoáng sản.
Là đối tác tin cậy cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

SỨ MỆNH

Tạo lập những giá trị bền vững vì sự phát triển của doanh nghiệp và xã hội.

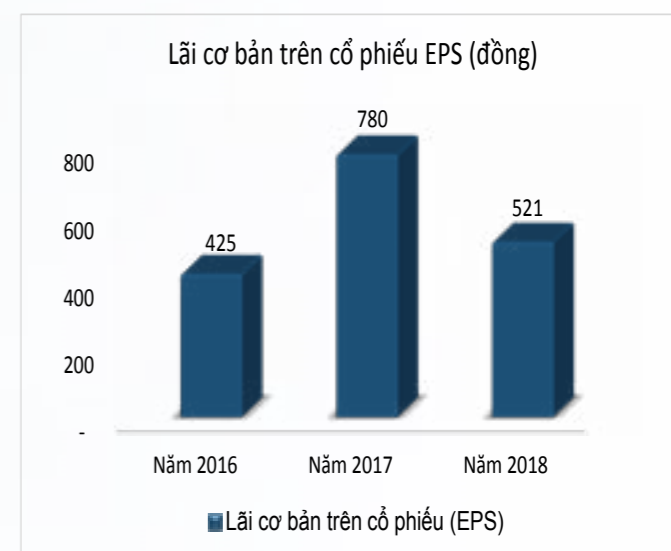
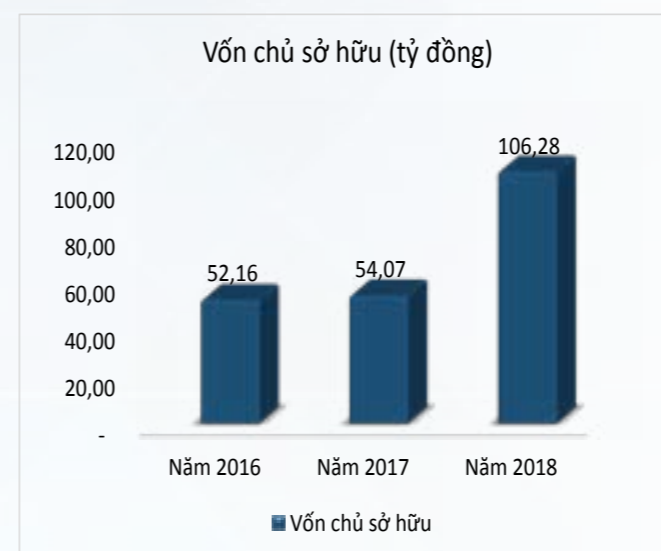
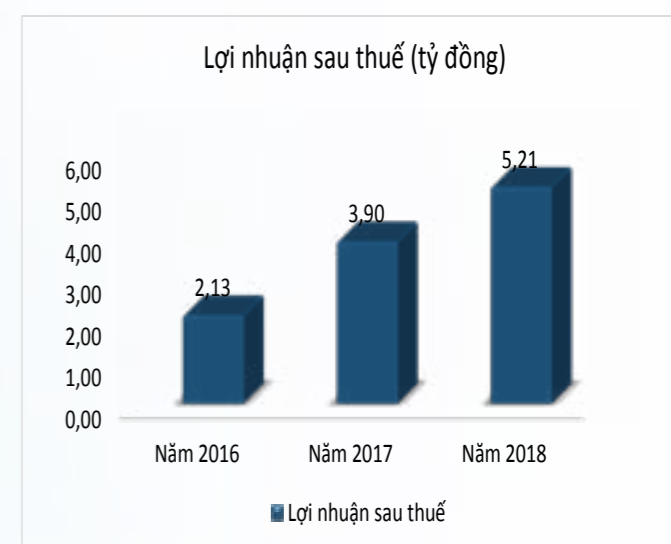
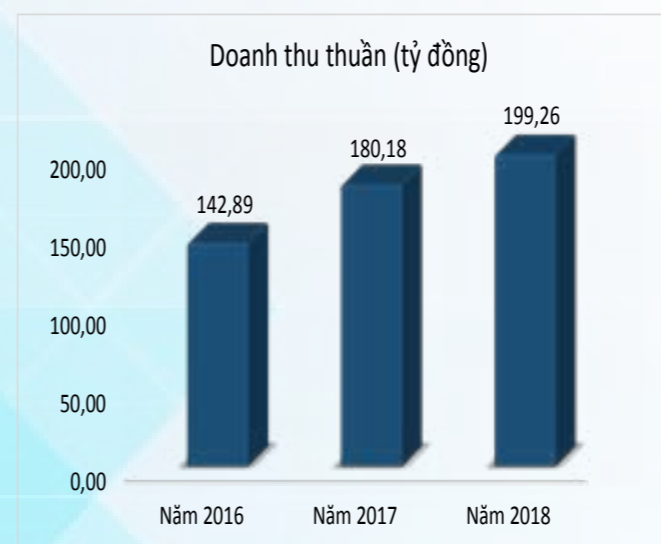
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Uy tín, chất lượng, hợp tác cùng phát triển.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

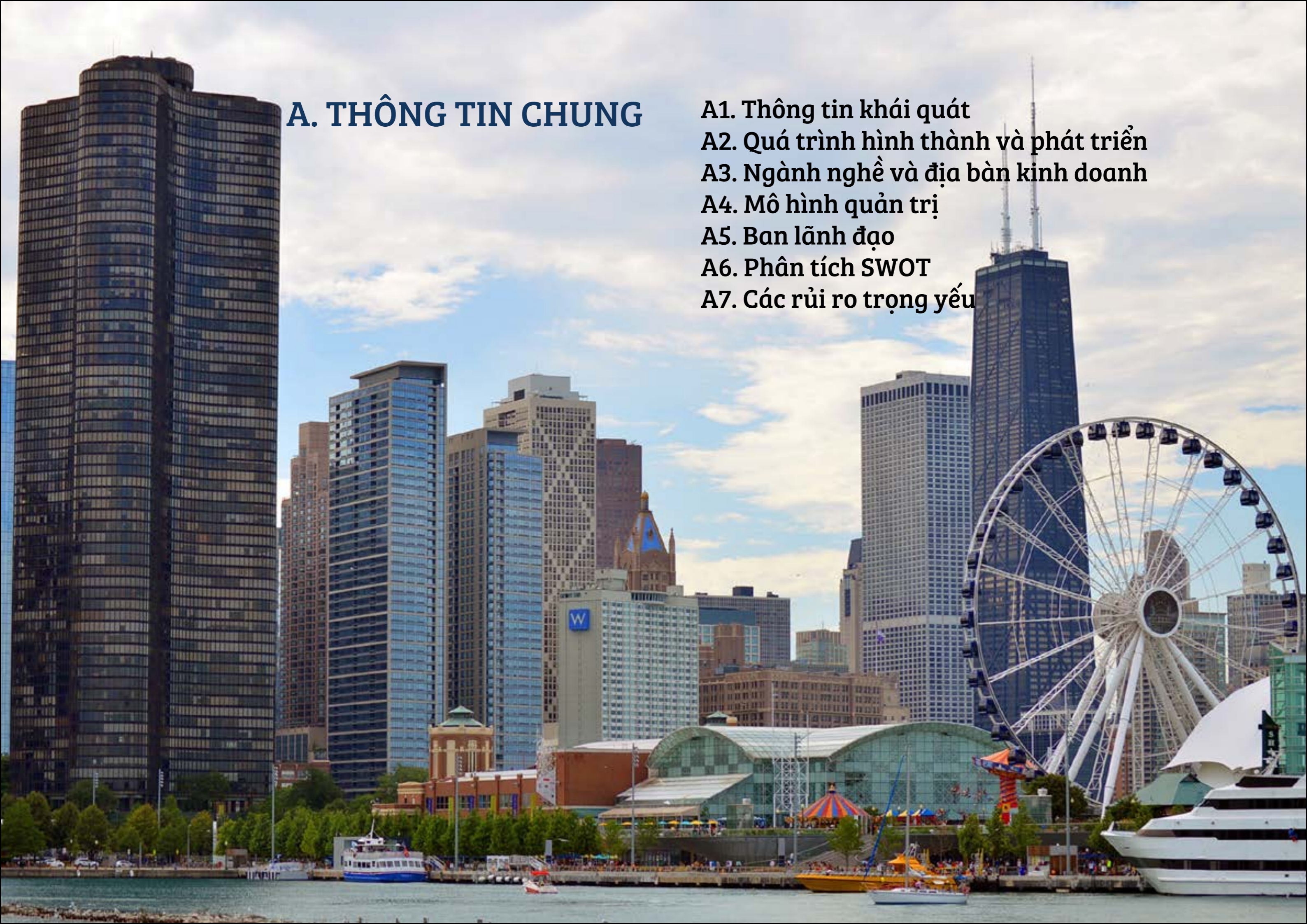
Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	142,89	180,18	199,26
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	127,24	163,67	175,21
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	15,64	16,51	24,06
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	11,35	10,22	14,23
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	2,82	4,77	5,76
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-1,47	-1,52	-4,06
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	-0,01	0,24	0,81
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,81	5,00	6,58
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,13	3,90	5,21
Bảng cân đối kế toán				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	119,72	141,29	229,08
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	52,16	54,07	106,28
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	50,00	50,00	100,00
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)		4,08%	7,21%	4,90%
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	1,78%	2,76%	2,27%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VND	425	780	521

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



A. THÔNG TIN CHUNG

- A1. Thông tin khái quát**
- A2. Quá trình hình thành và phát triển**
- A3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- A4. Mô hình quản trị**
- A5. Ban lãnh đạo**
- A6. Phân tích SWOT**
- A7. Các rủi ro trọng yếu**



A1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	GPTL/ĐKKD: 0800282385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/08/2003
Vốn điều lệ	100.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000
Địa chỉ	Số 37,38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Số điện thoại	0320.3891898
Số fax	0320.3891898
Website	cpxd1369.com
Mã cổ phiếu	C69



A2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

“Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 được thành lập từ năm 2003 ngành nghề khai thác đá, san lấp mặt bằng, bốc xúc, vận tải. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 trở thành một trong những công ty uy tín trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản.”

2003

Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tiền thân là Hợp tác xã Tân Sơn, chính thức trở thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 3.500.000.000 VND.



2007

Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 9.500.000.000 VND; thông qua hình thức phát hành cho các cổ đông hiện hữu.

2010

Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 20.000.000.000 VND; thông qua hình thức phát hành cho các cổ đông hiện hữu.



2016

Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 50.000.000.000 VND; thông qua hình thức phát hành cho các cổ đông hiện hữu.

A2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

04/ 2017

Công ty tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 VND.

04/ 2017

Ngày giao dịch đầu tiên của Công ty trên sàn HNX với giá tham chiếu 10.800Đ/cổ phiếu.

11/ 2016

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với số lượng chứng khoán đăng ký là 5.000.000 cổ phiếu.

09/ 2016

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký công văn chính thức chấp thuận Công ty Cổ phần 1369 là Công ty đại chúng.



A3. SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM



Tháng 02/ 2018, Công ty trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở Dự án khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh với giá trúng thầu 91.416.668.000 VNĐ.



Tháng 07/2018, ký hợp đồng mua bán đá vôi với Công ty TS GLOBAL Procurement Co.pte.LTD với tổng giá trị hợp đồng 37.000.000.000 VNĐ.



Tháng 08/2018, phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu để đầu tư dự án, cơ cấu các khoản nợ. Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 VNĐ.

A4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Nhà thầu xây dựng
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản
- Bốc xúc, vận tải hàng hoá bằng đưng bộ
- Buôn bán máy móc, thiết bị công nghiệp và phụ tùng máy khác

Địa bàn kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.
- Nhà thầu xây dựng
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản
- Bốc xúc, vận tải hàng hoá bằng đưng bộ
- Buôn bán máy móc, thiết bị công nghiệp và phụ tùng máy khác



A5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, BKS và Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát:

Do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ.

A5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ; Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm; Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc:

Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, BKS và Kiểm toán viên;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS.



A5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Phòng Tổ chức – Hành chính:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được Nhà nước ban hành;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.



Phòng Kinh doanh:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt;
- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc phân phối sản phẩm;
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm;
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng bá tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ;
- Tìm kiếm, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng; chăm sóc khách hàng theo chính sách của Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán:

- Tổng hợp, ghi chép lại số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

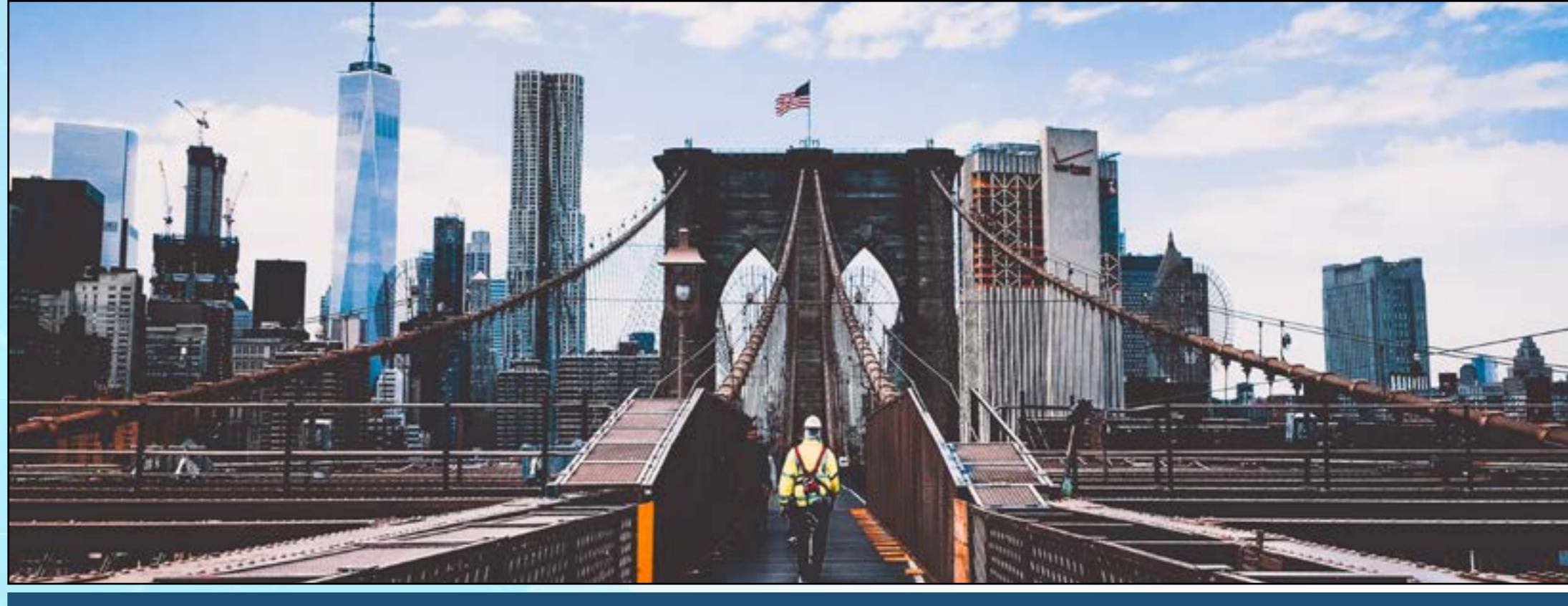


Phòng Kỹ thuật:

- Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty;
- Quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án, các loại phương tiện xe máy thiết bị thi công, các sản phẩm khác để tổ chức thực hiện trong toàn Công ty;
- Kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư, mức hao phí lao động trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt; Xây dựng phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động và vệ sinh môi trường đối với các công trình lớn trọng điểm; Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập và duyệt phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với các công trình nhỏ;
- Phối hợp cùng với phòng Kinh doanh, phòng Phát triển dự án lập hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu;
- Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, máy móc thiết bị và vệ sinh môi trường;
- Hướng dẫn và cùng các đơn vị trực thuộc lập hồ sơ nghiệm thu công trình, phối hợp với các chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao công trình;
- Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị thi công trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm. Phối hợp cùng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính kế toán khoán quản ca xe, máy các loại tại các đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tác ngoài Công ty.

Phòng Kế hoạch - Đầu tư:

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty hoạch định các chương trình, dự án đầu tư đúng quy trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với cơ chế, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn;
- Trực tiếp thực hiện điều hành, kiểm soát quản lý các dự án đầu tư và xây dựng do Công ty làm chủ đầu tư theo đúng các Quyết định phê duyệt của Giám đốc Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Tham mưu, thương thảo, lập hồ sơ hợp đồng các công việc liên quan đến hoạt động của các dự án đầu tư và xây dựng, trình Chủ đầu tư xem xét ký kết hợp đồng; Lập hồ sơ hợp đồng và ký kết hợp đồng có nội dung liên quan đến các hoạt động của các dự án và xây dựng theo quyết định của Giám đốc Công ty;
- Thực hiện công tác giám sát kỹ thuật, quản lý nguồn vốn, dự án công trình nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của dự án, công trình. Kịp thời xử lý vướng mắc. Đồng thời quản lý tiến độ thực hiện các dự án, công trình, xác định công việc khối lượng hoàn thành làm cơ sở cho Lãnh đạo Công ty chỉ đạo, cân đối nguồn vốn, kế hoạch thực hiện và thanh quyết toán vốn đầu tư;
- Tổ chức nghiệm thu, kiểm tra hồ sơ hoàn công, xác định giá trị quyết toán, thực hiện thủ tục thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp để kiểm tra quyết toán và thanh lý hợp đồng liên quan.



A6. BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

Ông LÊ MINH TÂN - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1986-1994	Công nhân	Nhà máy xi măng Vạn Chánh
1995-2002	Chủ nhiệm	Hợp tác xã Tân Sơn
2003-2012	Chủ tịch HĐQT	CTCP Xây dựng 1369
07/2012 - 08/2013	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369 Công ty TNHH Toàn Thắng CTCP Xi măng Phúc Lộc
09/2013 - 04/2016	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Giám đốc Phó TGD Chủ tịch HĐQT	CTCP Xây dựng 1369 Công ty TNHH Toàn Thắng CTCP xi măng Phúc Lộc CTCP Tập đoàn Phúc Lộc Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương
05/2016 - nay	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Giám đốc Phó TGD Chủ tịch HĐQT Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369 Công ty TNHH Toàn Thắng CTCP xi măng Phúc Lộc CTCP Tập đoàn Phúc Lộc Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương CTCP Thương mại xuất nhập khẩu T&T

02

Bà PHẠM THỊ THẾ - THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1992 - 1993	Kế toán	Ngân hàng Công thương Hải Dương
1994 - 1999	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu - Hải Dương
2000 - 2007	Phó phòng tín dụng	Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu - Hải Dương
2008 - 2010	Trưởng phòng khách hàng cá nhân	Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu - Hải Dương
2011 - 2012	Trưởng phòng Kiểm tra, kiểm soát	Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu - Hải Dương
07/2012 - 08/2013	Trưởng phòng giao dịch số 2	Ngân hàng Công thương Khu Công nghiệp Hải Dương
09/2013 - 12/2014	Giám đốc	Công ty TNHH Toàn Thắng
12/2014 - nay	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần sứ Hải Dương Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

A6. BAN LÃNH ĐẠO

03

Bà ĐÀO THỊ ĐẰM - THÀNH VIÊN HĐQT

Sinh năm: 1964

Trình độ chuyên môn: Trung cấp tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1982 - 1997	Công nhân	CTCP Cao Lanh Hải Dương
1998 - 2006	Phó Giám đốc	Công ty TNHH Thương mại và vận tải Thành Công
2007 - 2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT	Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trường Thành CTCP Xi măng Quảng Ninh CTCP Cao Lanh Hải Dương
2016 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Phó Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trung Thành CTCP Cao Lanh Hải Dương CTCP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh CTCP Xây dựng 1369

04

Ông LÊ ANH LUÂN - THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1990 - 2005		Kinh doanh tự do
2006 - 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369
2011 - 2013	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369 CN CTCP Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp đá Thống Nhất
2014 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369 CTCP Đầu tư và sản xuất vật liệu xây dựng Phúc Thịnh

05

Ông NGUYỄN VĂN MIỆNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Sinh năm: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1980 - 1987	Cán bộ	Ngân hàng huyện Chư Phá, tỉnh Gia Lai, Kon Tum
1988 - 1993	Cán bộ	Ngân hàng nhà nước khu vực Nhị Chiểu
1994 - 1995	Phó phòng Tổ chức Hành chính	Ngân hàng công thương CN Nhị Chiểu - Hải Dương
1996 - 1999	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Ngân hàng công thương CN Nhị Chiểu - Hải Dương
2000 - 2006	Trưởng phòng Kế toán	Ngân hàng công thương CN Nhị Chiểu - Hải Dương
2007 - 2015	Phó Giám đốc	Ngân hàng công thương CN Nhị Chiểu - Hải Dương
2016 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Thành viên HĐQT	CTCP Phát triển đô thị Đại Thành CTCP Xây dựng 1369

A6. BAN LÃNH ĐẠO

BAN GIÁM ĐỐC

01

Ông LÊ ANH LUÂN – THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC
Đã giới thiệu ở phần thành viên Hội đồng quản trị

02

Bà PHẠM THỊ THỂ – THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đã giới thiệu ở phần thành viên Hội đồng quản trị

03

Ông PHẠM VĂN THỤ – PHÓ GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1992 – 2008		Kinh doanh tự do
2008 – 03/2015	Phó Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369
04/2015 - nay	Phó Giám đốc Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369 Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương

04

Ông PHẠM VĂN TÙNG – PHÓ GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1983 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2006 – 2008	Nhân viên kỹ thuật	Công ty TNHH Hồng Minh
2009 – 2010	Nhân viên kỹ thuật	Công ty 129 – Ban cơ yếu chính phủ
2011 – 2013	Nhân viên kỹ thuật	CTCP Tập đoàn Phúc Lộc
2014 – 2015	Nhân viên kỹ thuật	CTCP Xây dựng 1369
2016 - nay	Phó Giám đốc	CTCP Xây dựng 1369

05

Bà NGUYỄN THỊ THÚY – PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quyết định bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thúy là Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng ngày 15/09/2018.

06

Bà PHẠM THỊ MẾN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Quyết định bổ nhiệm bà Phạm Thị Mến là Phó giám đốc ngày 02/05/2018.

A6. BAN LÃNH ĐẠO

BAN KIỂM SOÁT

01

Ông TRẦN XUÂN BẢN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2003 – 12/2013	Kế toán	CTCP Xây dựng 1369
01/2014 – nay	Kế toán	CTCP Ô tô Hải Dương
06/2016 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	CTCP Xây dựng 1369

02

Bà PHẠM THỊ DOAN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2008 – 12/2015	Kế toán	CTCP Xây dựng 1369
01/2016 – nay	Kế toán viên	CTCP Cao Lanh Hải Dương
06/2016 - nay	Thành viên BKS	CTCP Xây dựng 1369

03

Bà CAO HÀ LINH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1992

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
06/2014 – nay	Kế toán	Công ty TNHH Hoa Nhàn
06/2016 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	CTCP Xây dựng 1369



A7. PHÂN TÍCH SWOT

S

ĐIỂM MẠNH

Hơn 15 năm hình thành và phát triển từ Hợp tác xã Tân Sơn trở thành Công ty Cổ phần, có thể nói Xây dựng 1369 đã gây dựng nền tảng vững chắc trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tạo tiếng vang tốt không chỉ với các đối tác, khách hàng mà còn đối với các nhà đầu tư;

Uy tín tốt, được khách hàng tin, đối tác và các nhà đầu tư tin tưởng;

Chuỗi cung ứng của hoạt động khai thác xuất khẩu tương đối hoàn thiện từ khâu sản xuất đến vận chuyển;

Công ty có thế mạnh về đầu vào bởi nguyên liệu đầu vào tương đối đại trà, dễ thay thế và các đối tác cung cấp có mối quan hệ lâu dài. Hơn thế nữa, Công ty có lợi thế về mặt quản trị khi có bộ máy lãnh đạo ổn định và không phải chịu áp lực đầu tư ngắn hạn.

Chính thức trở thành Công ty đại chúng từ tháng 9/2016, 2 năm là khoảng thời gian chưa đủ để Công ty CPXD 1369 chiếm lĩnh thị phần và xây dựng thương hiệu bên ngoài địa bàn tỉnh Hải Dương;

Quy mô Công ty còn nhỏ so với mặt bằng chung của ngành, địa bàn hoạt động còn hạn chế.

W

ĐIỂM YẾU

Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường Công ty sang các quốc gia có tiềm năng lớn, thuế suất thấp;

Tận dụng lợi thế của Công ty trong ngắn hạn, phát triển Công ty theo định hướng bền vững trong dài hạn;

Phát triển thương hiệu Công ty, giữ vững uy tín, quảng bá tới nhiều khách hàng hơn;

Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển, áp dụng công nghệ hiện đại để cải tiến quy trình xây dựng, sản xuất, vận chuyển của công ty định hướng thân thiện với môi trường, bền vững cho xã hội

GIẢI PHÁP

A7. PHÂN TÍCH SWOT

O

CƠ HỘI

Tốc độ tăng dân số bình quân của Việt Nam là 1,2 – 1,5%/năm và tốc độ tăng trưởng đô thị trung bình là 3,4%/năm... Do vậy, tiềm năng tăng trưởng phân khúc nhà ở trong nước còn rất lớn, nhu cầu văn phòng tăng mạnh và phân khúc công nghiệp – kho vận tiếp tục hoạt động tốt nhờ dòng vốn FDI mạnh;

Cơ sở hạ tầng đóng vai trò sống còn đối với sự phát triển của thị trường bất động sản cũng như hoạt động giao thương, phát triển kinh tế. Rất nhiều công trình mới như cầu vượt, hầm chui, tàu điện trên cao, đường cao tốc... đã được xây dựng để theo kịp tốc độ phát triển này;

Ngành xây dựng sẽ được hưởng lợi lớn từ vốn FDI sẽ tiếp tục đà tăng trưởng mạnh nhờ vào Việt Nam vẫn là nước có chi phí nhân công thấp trong khu vực, các ưu đãi, hỗ trợ của chính phủ sau sự thành công của hiệp định APEC;

Nhu cầu về thiết kế, xây dựng các công trình được kỳ vọng sẽ tăng cao do nền kinh tế được hưởng lợi từ các diễn biến vĩ mô gần đây;

Hoạt động xuất khẩu được hưởng lợi do đồng nội tệ bị mất giá.

Yếu tố cạnh tranh gay gắt hơn khi ngày càng nhiều doanh nghiệp xây dựng nước ngoài tiến vào thị trường Việt Nam, đồng thời sự xuất hiện của nhiều đối thủ tiềm năng trong nước khiến thị trường xây dựng trở nên co hẹp. Một số đối thủ mạnh trong nước có thể kể đến như: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Viễn Đông, Công ty CPXD Licogi 16. Khách hàng có lợi thế trong việc lựa chọn doanh nghiệp hợp tác;

Cần có các giải pháp nguồn vốn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững do phần lớn các doanh nghiệp trong ngành Xây dựng phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn đi vay, chủ yếu là từ ngân hàng;

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh mang tính chu kỳ cao, phụ thuộc vào chu kỳ kinh tế vĩ mô.

T

THÁCH THỨC

Lợi thế về chuỗi cung ứng là thế mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cần tranh thủ lợi thế này, phát huy lợi thế cạnh tranh với đối thủ;

Tận dụng ưu thế về mặt quản trị, định hướng Công ty phát triển dài hạn, giảm thiểu tác động chu kỳ lên kết quả kinh doanh của Công ty;

Tranh thủ cơ hội, dự địa tiềm tàng giúp Công ty phát triển về quy mô vốn, tăng về doanh thu;

Điều tra, nghiên cứu để cải tiến sản phẩm, phương thức quảng bá cho phù hợp thị hiếu tại các thị trường tiềm năng.

GIẢI PHÁP

A8. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2018 trở về đây; Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11,2% so với năm trước và bằng 33,5% GDP.

Trong đó, ngành xây dựng duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16%, đóng góp 0,65 điểm phần trăm vào mức tăng chung toàn khu vực.

Nền kinh tế - xã hội năm 2019 được nhận định sẽ bước vào bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn những yếu tố khó lường do căng thẳng thương mại giữa các nước lớn và xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch.

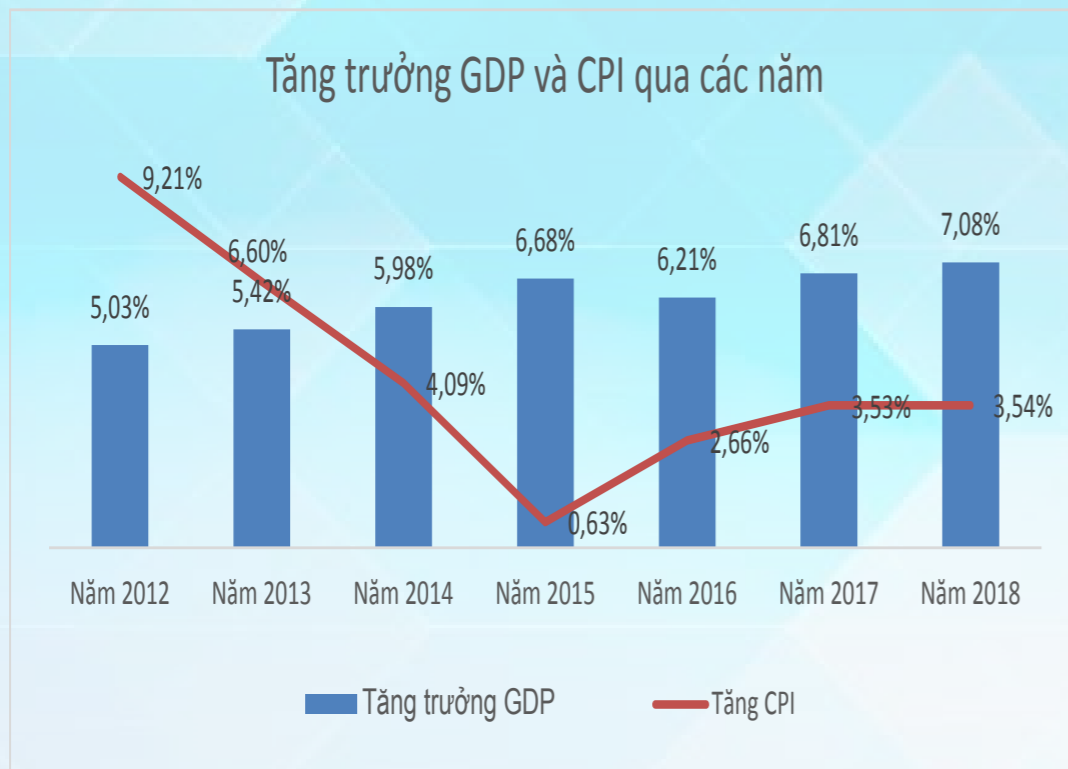
Đặc thù của ngành xây dựng là chu kỳ ngắn, chịu ảnh hưởng của thị trường bất động sản; mang tính mùa vụ, hoạt động tập trung vào nửa cuối năm.

Theo đánh giá của FPTA, ngành xây dựng đang bước qua khỏi quá trình tăng trưởng sau Đổi mới và bước vào giai đoạn tái cấu trúc.

Mặt khác, hoạt động xuất khẩu của công ty được hưởng lợi nhiều khi đồng VND liên tục mất giá trước USD do căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cùng động thái tăng lãi suất của FED.

Ngành xuất khẩu của Việt Nam được các chuyên gia kinh tế cho rằng sẽ hưởng nhiều lợi ích trong năm 2019 nhờ các biến động kinh tế gần đây, tuy nhiên, việc các ngân hàng tăng lãi suất cho vay vẫn sẽ là một rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của công ty.

Tăng trưởng GDP và CPI qua các năm



Rủi ro luật pháp

Tại Việt Nam, ngành xây dựng và xuất nhập khẩu đều là những ngành chịu ảnh hưởng nhiều bởi các quy định và luật pháp được ban hành do vốn đầu tư lớn cho các dự án Xây dựng cùng sự khắt khe trong việc quản lý chất lượng sản phẩm xuất khẩu không chỉ của Việt Nam mà còn của các quốc gia đối tác.

Trong năm 2018 vừa rồi, nhiều nội dung của Bộ Luật Xây dựng năm 2014 đã được cụ thể hóa, cùng đó là một số thay đổi trong quy định về xác định nguồn gốc xuất xứ, thủ tục hải quan của hàng hóa xuất nhập khẩu. Trong dài hạn, những quy định này sẽ có tác động đáng kể lên hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lợi nhuận của Công ty.

A8. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Rủi ro nguồn nhân lực

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực lao động đều phải đối mặt với tình trạng khan hiếm, cũng như chất lượng lao động chưa cao. Nhân công chỉ chiếm 15% tổng chi phí nhưng là thành phần quyết định chất lượng và tiến độ thi công. Ngành xây dựng thâm dụng lao động do tất cả các công đoạn thi công đều cần con người thực hiện và giám sát. Tuy nhiên, phần lớn là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo chuyên nghiệp.

Rủi ro nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là vật liệu xây dựng như sắt, thép, xi măng, cát đá... Chi phí vật liệu xây dựng là chi phí đầu vào chính chiếm 45% tổng chi phí. Do đó, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung số lượng nhà cung cấp vật liệu xây dựng tại Việt Nam tương đối lớn, không có sự khác biệt đáng kể về chất lượng sản phẩm cung cấp. Do đó, chi phí khi thay đổi nhà cung cấp nhỏ.

Công ty hiện chính sách thanh toán hợp lý với nhà cung cấp, đảm bảo không quá hạn hợp đồng. Để đảm bảo nguồn cung cấp ổn định, Công ty tiến hành phưng án đặt kho tại các công trường giao trực tiếp cho ban quản lý tại địa bàn nơi hoạt động thi công diễn ra.

Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi cổ phiếu Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động chung của thị trường, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan quản lý như Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch,... đồng thời phụ thuộc nhiều vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty có khả năng biến động lớn, ảnh hưởng đến uy tín hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty sẽ tập trung nghiên cứu, cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định liên quan, công bố thông tin đầy đủ đến các cổ đông, nhà đầu tư giúp nhà đầu tư tiếp cận được những thông tin của Công ty một cách chính xác và hiệu quả.



Rủi ro cạnh tranh

Ngành xây dựng không có sản phẩm thay thế khác biệt nhiều, rào cản ra nhập tương đối lớn do nhu cầu huy động vốn cao và trình độ yêu cầu đáng kể. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất đối với Công ty tới từ sức mạnh của khách hàng. Khách hàng trong lĩnh vực này thường có trình độ hiểu biết nhất định, theo các gói thầu kỹ lưỡng từ đầu tới cuối nên các doanh nghiệp xây dựng buộc phải áp mức giá thầu cạnh tranh. Hơn nữa, số lượng nhà thầu nhỏ lẻ tại Việt Nam tương đối nhiều nên rủi ro tới từ cạnh tranh vẫn hiện hữu, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Những rủi ro này khó dự báo trước nên Công ty luôn đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản xuất, để phòng từ trước



B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- B1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018**
- B2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư**
- B3. Tình hình tài chính**
- B4. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

B1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

Tình hình chung ngành Xây dựng

Nhìn chung, theo báo cáo năm 2018 của Tổng cục thống kê, ngành Xây dựng vẫn giữ được mức tăng trưởng xét theo đóng góp vào GDP đạt mức khá với 8,79%. Lý giải cho tốc độ tương đối cao và ổn định này qua vài năm gần đây là một vài nguyên nhân chủ yếu:

- (1) Tiềm năng lớn từ giai đoạn dân số vàng, xu hướng đô thị hóa và sự tăng trưởng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu;
- (2) Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong khoảng 20 năm vừa qua đạt mức tương đối cao, ổn định;
- (3) Cải thiện trong hệ thống pháp lý và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

Tuy vậy, theo báo cáo của FPTC, ngành Xây dựng được dự báo sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong năm 2019, chủ yếu là do mảng xây dựng cơ sở hạ tầng sẽ gặp nhiều thách thức do thâm hụt ngân sách công, thiếu nguồn chi. Mặt khác, giá nguyên vật liệu và lương cho nhân công được dự báo ổn định, có xu hướng giảm nhẹ trong tương lai gần sẽ là động lực cải thiện lợi nhuận ngành. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng có khả năng sẽ gặp một số thách thức đi kèm theo chu kỳ của ngành Xây dựng.

Tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng qua các năm



B1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

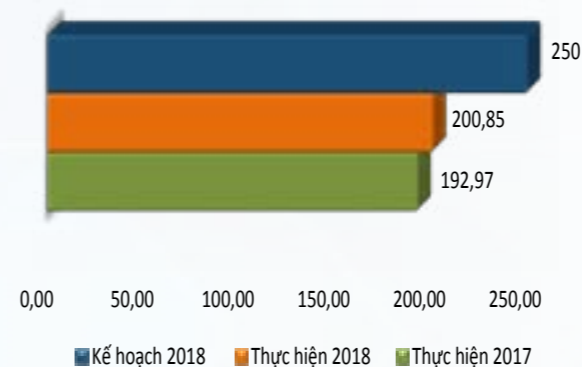
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện (Tỷ đồng)		Kế hoạch 2018 (Tỷ đồng)	TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
	Năm 2017	Năm 2018			
Tổng doanh thu	192,97	200,85	250	80,34%	104,08%
Tổng chi phí	187,97	194,27	240,5	80,78%	103,35%
Lợi nhuận trước thuế	5,00	6,58	9,5	69,22%	131,40%
Lợi nhuận sau thuế	3,90	5,26	7,6	69,21%	134,93%
Hệ số nợ phải trả/ VCSH	1,61	1,16	1,8	64,19%	71,63%

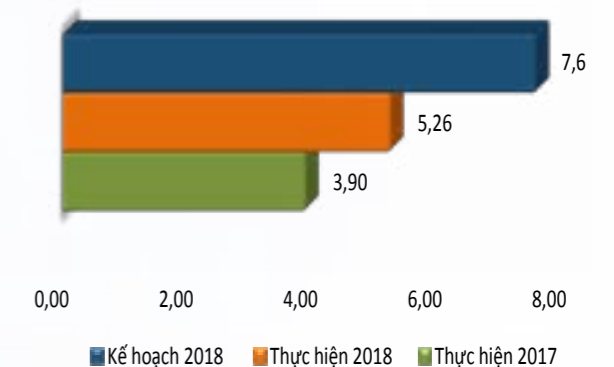
Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành 80% kế hoạch về doanh thu và 80% kế hoạch về lợi nhuận sau thuế. Mặc dù Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp linh hoạt và có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty vẫn gặp phải áp lực lớn từ việc thủ tục xin cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của dự án chưa hoàn thiện, khiến doanh thu từ bất động sản năm 2018 chưa thực hiện được. Mặt khác, Tổng doanh thu của Công ty vẫn trong xu hướng tăng trưởng; đặc biệt, Lợi nhuận sau thuế đạt được mức tăng trưởng ấn tượng với tốc độ tăng trưởng 35% so với năm 2017; thể hiện quyết tâm của Ban Lãnh đạo trong việc đem lại lợi ích lâu dài bền vững cho cổ đông của Công ty.

Đồng thời cho thấy Công ty đã thực hiện tốt các công tác quản lý chi phí; đảm bảo tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng chi phí. Mảng khai thác xuất khẩu của Công ty đã có một năm hoạt động thành công vượt mức mong đợi, khi tăng trưởng tới gần 70%, đóng góp 68% vào tổng doanh thu do việc tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường đã đem lại kết quả tích cực. Công ty cũng đã thực hiện các biện pháp để quản lý chi phí tốt hơn để đảm bảo lợi nhuận tăng.

Tổng doanh thu



Lợi nhuận sau thuế



B2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

STT	THÔNG TIN DỰ ÁN	CHI TIẾT
1	Tên dự án đăng ký	Dự án Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
2	Chủ đầu tư	CTCP Xây dựng 1369
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Thời gian xây dựng dự kiến	2019
5	Mục đích của Dự án	Xây dựng khu dân cư phục vụ người dân
6	Sản phẩm và thị trường đầu ra	Đất nền dự án
7	Quy mô của Dự án	
	Vị trí, diện tích xây dựng Dự án	Thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
	Diện tích	Hơn 85.000m ² , trong đó 373 lô đất ở, trong đó 201 là lô quy hoạch và nhiều khu đất hạ tầng kỹ thuật khác
	Tổng mức đầu tư	Hơn 200 tỷ đồng
8	Khả năng huy động vốn để triển khai dự án	Hiện Công ty đang trình UBCK phê duyệt phương án phát hành cho cổ động hiện hữu để huy động vốn thực hiện cho dự án.

B3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	141,29	229,08	62,14%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	180,18	199,26	10,59%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	4,77	5,76	20,91%
4	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-1,52	-4,06	166,32%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,24	0,81	242,00%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,00	6,58	31,40%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,90	5,21	33,58%

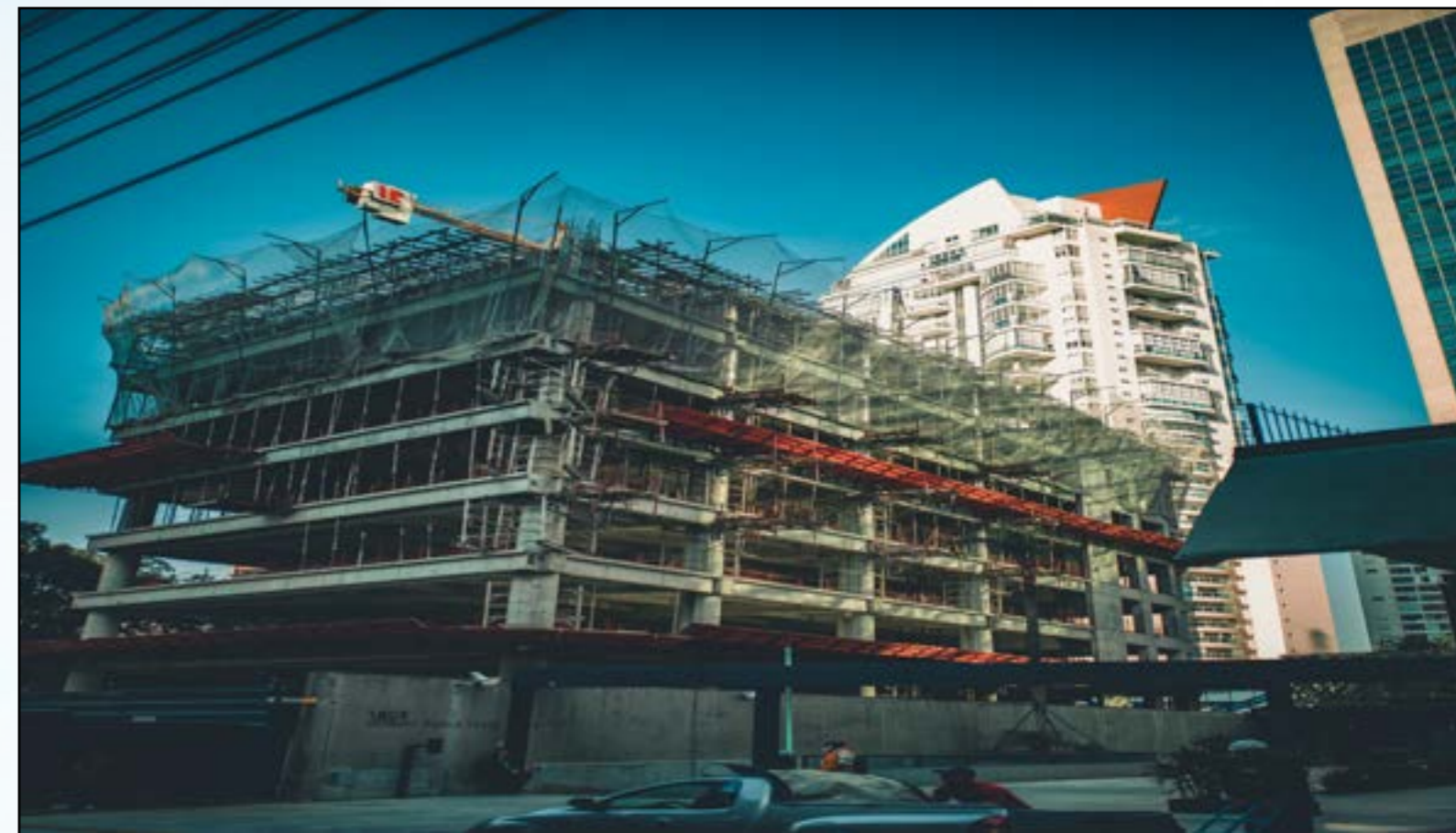
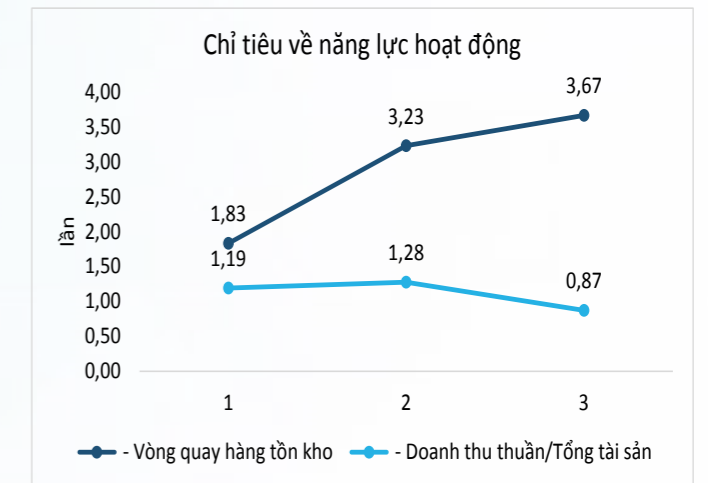
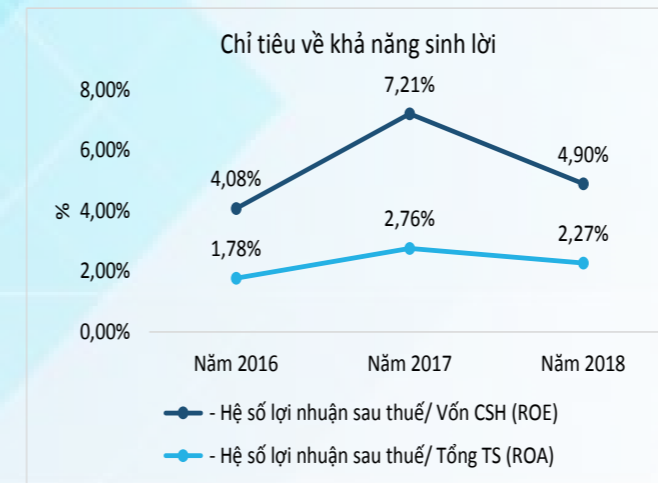
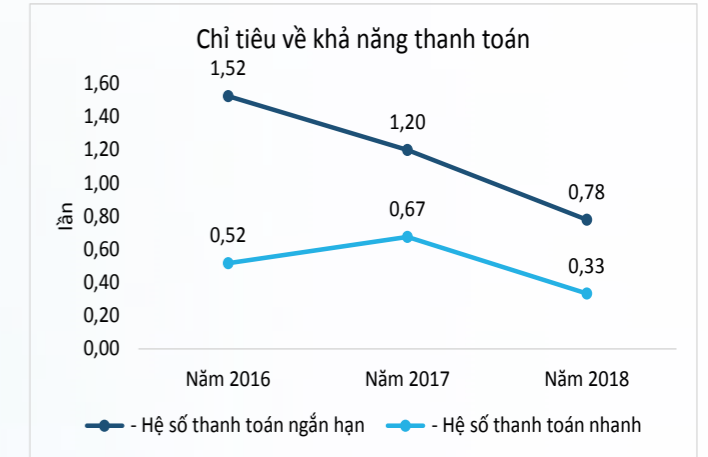
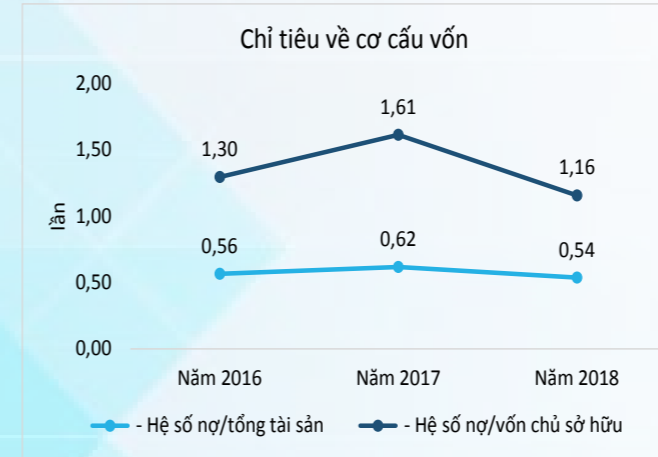


B3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 2018

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,52	1,20	0,78
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,52	0,67	0,33
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,56	0,62	0,54
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,30	1,61	1,16
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	1,83	3,23	3,67
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,19	1,28	0,87
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,49%	2,16%	2,61%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	4,08%	7,21%	4,90%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	1,78%	2,76%	2,27%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	1,97%	2,65%	2,89%

B3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



B4. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 50.000.000.000 đồng, lên tổng cộng 100.000.000.000 đồng nhằm huy động vốn đầu tư cho dự án Cảng Đông Côi. Việc tăng vốn gắn liền cùng với việc dự án đầu tư chưa bắt đầu có nguồn thu sẽ có tác động xấu lên một vài chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty dự đoán rằng tác động này mang tính chu kỳ, ngắn hạn, và các chỉ số trên sẽ được cải thiện trong tương lai gần.

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 đã phát hành 10.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 10.000.000 cổ phiếu (Mười triệu cổ phiếu)
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Cổ đông trong nước	10.000.000		100,00%
	- Tổ chức	-	0	0,00%
	- Cá nhân	10.000.000		100,00%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	0		100,00%

Nguồn: Danh sách tổng hợp Người sở hữu chứng khoán nhận cổ bằng tiền do TTLKCK cung cấp ngày)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

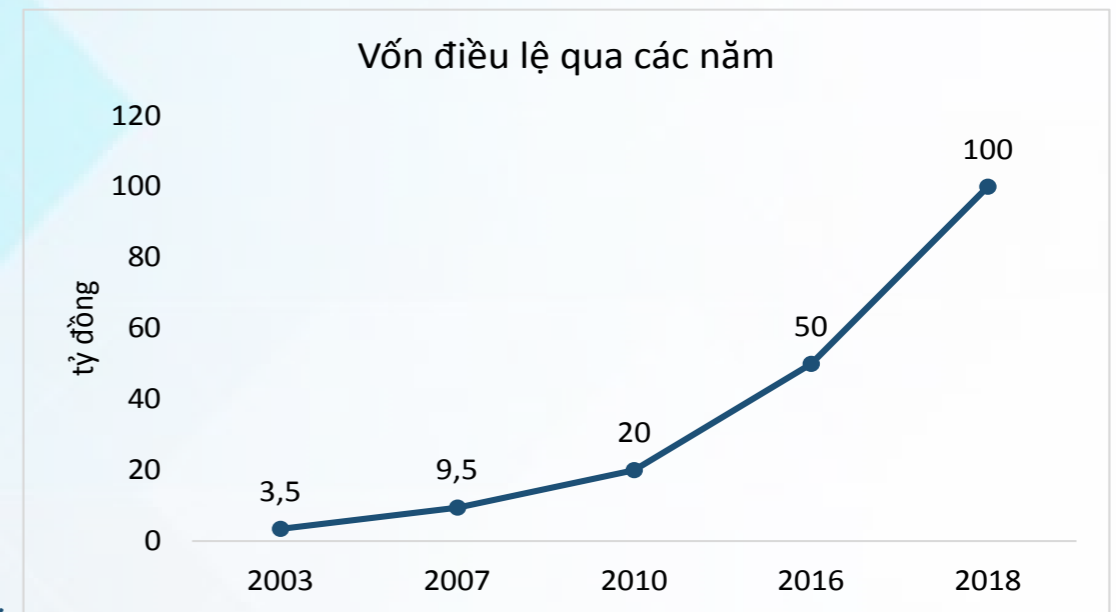
Kể từ khi thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã trải qua 06 đợt tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Năm	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Nội dung tăng vốn
2003	3.500.000.000	Thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0800282385 cấp ngày 15/08/2003.
2007	9.500.000.000	Phát hành tăng vốn lên 9,5 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu
2010	20.000.000.000	Phát hành tăng vốn lên 20 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu
2016	50.000.000.000	Phát hành tăng vốn lên 50 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu
2018	100.000.000.000	Phát hành tăng vốn lên 100 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu

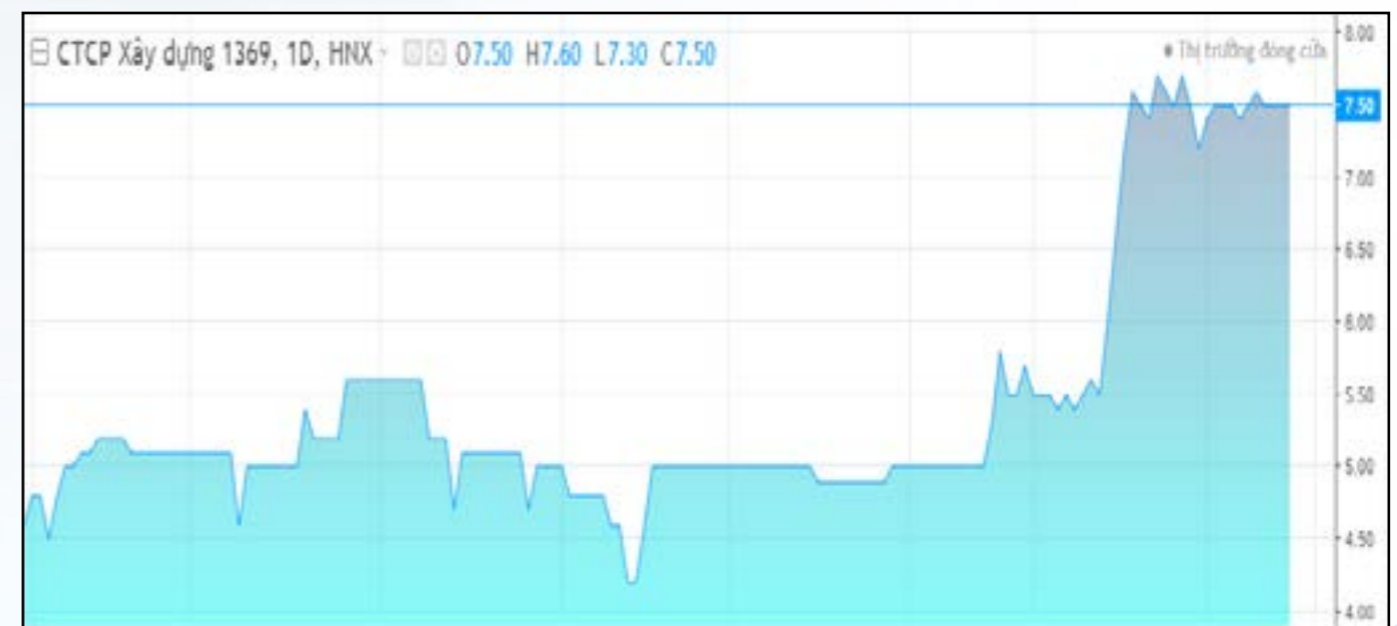
B4. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VDL
Lê Minh Tân	141479076	38 Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương	3.100.000	31,00%
Đào Thị Đầm	140133148	Thị trấn Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	1.050.000	10,50 %
Lê Anh Luân	141618647	Khu 2, TT Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	475.000	4,75%



Cổ phiếu C69



C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- C1. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc
- C2. Tình hình tài chính
- C3. Kế hoạch kinh doanh năm 2019



C1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những thay đổi trong thành viên Ban giám đốc năm 2018

- Quyết định bổ nhiệm bà Phạm Thị Mến là Phó giám đốc ngày 02/05/2018;
- Quyết định bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thúy là Phó giám đốc kiêm kế toán trưởng ngày 15/09/2018.

Đánh giá chung

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tiếp tục phát huy các thế mạnh sẵn có của mình đồng thời nghiên cứu, mở rộng thị trường nhằm phát huy tối ưu hóa hiệu quả sản xuất và điều hành. Hiện tại, các mảng kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- (i) Hoạt động kiến trúc, nhà thầu xây dựng, tư vấn thiết kế thi công các lĩnh vực có liên quan
- (ii) Khai thác, xuất khẩu đá xây dựng; kinh doanh vật liệu xây dựng
- (iii) Cung cấp dịch vụ (vận chuyển, cho thuê xe vận chuyển,...)

Nhằm nắm bắt thời cơ kinh tế và phát huy những giá trị nội tại của Công ty, Ban Lãnh đạo đã thống nhất kế hoạch đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh, xuất khẩu vật liệu xây dựng, đồng thời duy trì sản xuất hoạt động khác ở mức ổn định.

Đến 31/12/2018 các kết quả chính của hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Doanh thu bán hàng: 199.289.613.789 đồng (so với năm 2017 là: 180.183.584.722 đồng) tăng 10,60%;
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ là: 24.057.259.382 đồng (so với năm 2017 là: 16.512.656.321 đồng) tăng 45,69%;
- Chi phí bán hàng là: 5.417.331.336 đồng (so với năm 2017 là 2.324.045.605 đồng) tăng 133,10%;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là: 8.816.910.732 đồng (so với năm 2017 là 7.897.695.547 đồng), tăng 11,64%;
- Lợi nhuận sau thuế là: 5.207.501.847 đồng (so với năm 2017 là: 3.898.290.603 đồng) tăng 33,58%.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm là khá tốt. Công ty đã gần hoàn thành kế hoạch được đề ra; doanh thu năm 2018 đạt 200,82 tỷ; đạt 91,28% kế hoạch đề ra; trong khi đó, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 5,21 tỷ, tương ứng với 108,49% kế hoạch. Dự kiến trong năm 2019, Công ty sẽ cải thiện và đạt được những thành quả đáng khích lệ hơn nữa.



Về công tác tài chính - kế toán

- Chấp hành nghiêm chỉnh việc lập và thực hiện báo cáo tài chính theo đúng chuẩn mực kế toán và thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin theo đúng quy chế công bố thông tin nhằm tạo sự minh bạch đối với các cổ đông;
- Xây dựng các biện pháp quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong quá trình kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án;
- Triển khai tăng cường nhân sự để chủ động trong các công việc liên quan đến công tác tài chính, kế toán, nguồn vốn.

Về công tác quản lý cổ đông

- Cập nhật đầy đủ, chính xác danh sách cổ đông trong toàn Công ty;
- Công tác công bố thông tin, cập nhật thông tin tới các cổ đông, công chúng luôn được thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật.

C1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

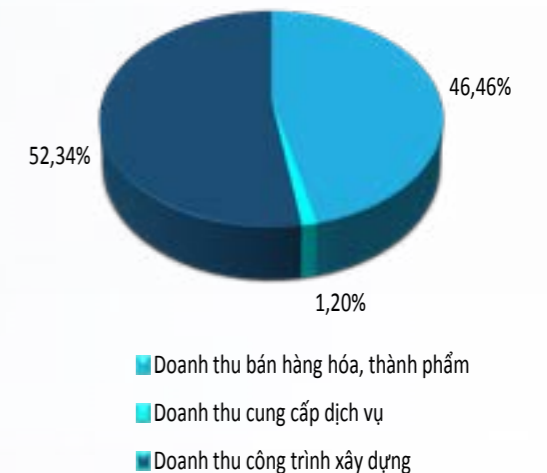
Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận

TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2016	Tỷ trọng	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	2018/2017
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	Tỷ VNĐ	45,93	32,14%	83,71	46,46%	132,45	66,46%	58,22%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	33,46	23,42%	2,16	1,20%	1,28	0,64%	-40,74%
3	Doanh thu công trình xây dựng	Tỷ VNĐ	63,50	44,44%	94,31	52,34%	65,56	32,90%	-30,48%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Tỷ VNĐ	142,89		180,18		199,29		10,61%

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018



Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017



C1. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Tỷ trọng	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	2018/2017
1	Giá vốn bán hàng	Tỷ VNĐ	40,27	31,65%	75,39	46,06%	117,58	67,11%	55,96%
2	Giá vốn cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	29,03	22,82%	1,82	1,11%	0,77	0,44%	-57,69%
3	Giá vốn công trình xây dựng	Tỷ VNĐ	57,94	45,54%	86,46	52,83%	56,85	32,45%	-34,25%
Tổng		Tỷ VNĐ	127,24		163,67		175,20		7,04%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	Tỷ trọng	TH 2017	Tỷ trọng	TH 2018	Tỷ trọng	2018/2017
1	Lãi gộp bán hàng hóa, thành phẩm	Tỷ VNĐ	5,66	36,17%	8,32	50,39%	14,87	61,73%	78,73%
2	Lãi gộp cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	4,43	28,31%	0,34	2,06%	0,51	2,12%	50,00%
3	Lãi gộp công trình xây dựng	Tỷ VNĐ	5,56	35,53%	7,85	47,55%	8,71	36,16%	10,96%
Tổng		Tỷ VNĐ	15,65		16,51		24,09		45,91%

Cơ cấu lãi gộp năm 2018



Cơ cấu lãi gộp năm 2017



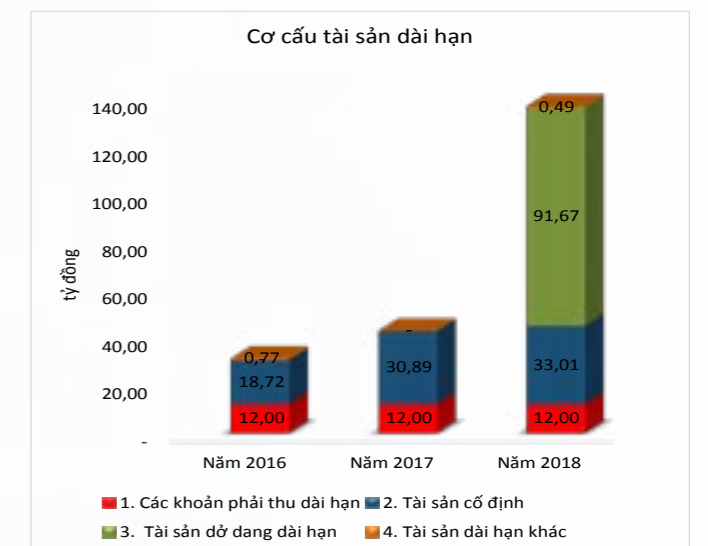
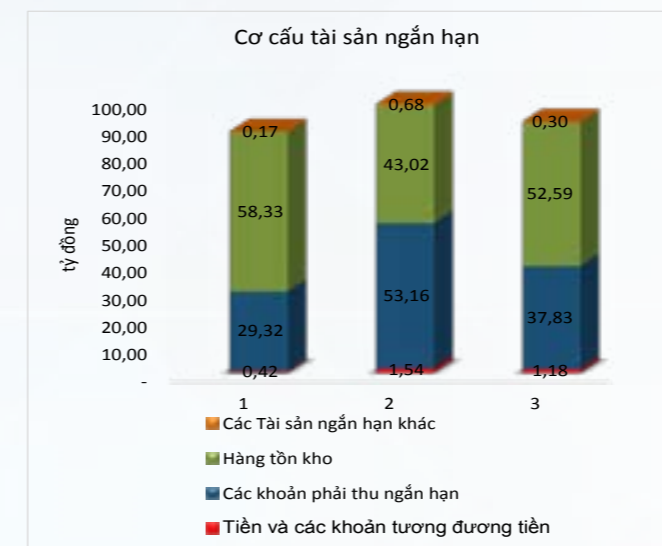
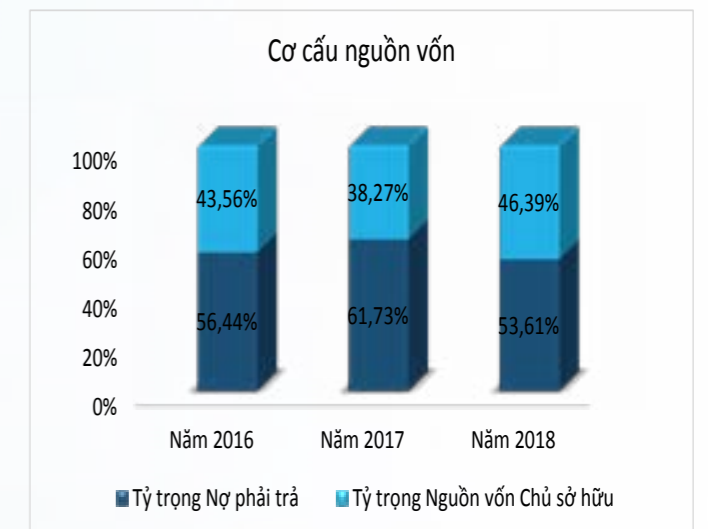
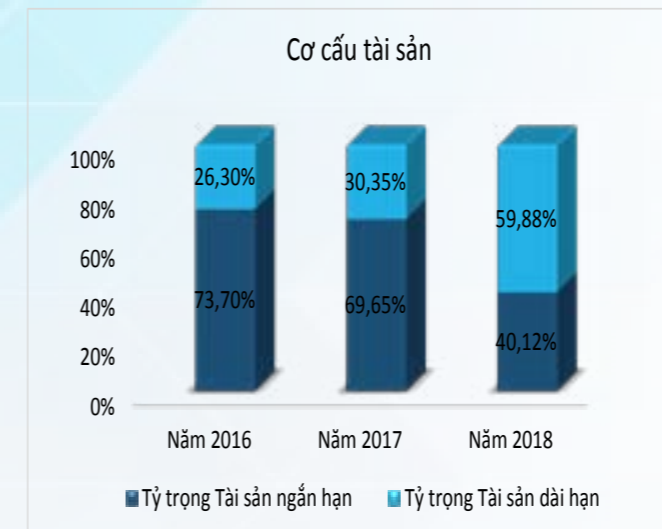
C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tính đến thời điểm cuối năm 2018, giá trị tổng tài sản của Công ty đạt 229.027.654.380 đồng, tăng 62,1% so với năm 2017, và tăng với tốc độ trung bình khoảng 38,3% so với thời điểm cuối năm 2015 do Công ty liên tục tăng vốn, mở rộng quy mô sản xuất qua vài năm gần đây. Cơ cấu tài sản có xu hướng thay đổi trong năm 2018; tài sản dài hạn tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản. Đặc biệt trong năm 2018, tỷ trọng tài sản dài hạn lên đến 60%; tăng khoảng 30% so với năm 2017. Trong đó, tài sản cố định thường chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến tài sản dài hạn tăng nhanh là sự tăng thêm của tài sản dở dang dài hạn. Cụ thể, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn năm 2018 là 91 tỷ đồng, chiếm 69% tỷ trọng tài sản dài hạn. Ngoài ra, hàng tồn kho luôn chiếm cơ cấu lớn nhất trong tài sản ngắn hạn và có xu hướng tăng, nguyên nhân chủ yếu từ các dự án đang đầu tư của Công ty.

Theo tính toán của Ban Lãnh đạo Công ty, tổng tài sản của Công ty sẽ tiếp tục xu hướng tăng này trong tương lai gần theo kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty, đồng thời cơ cấu tài sản sẽ trở về quỹ đạo tương đối ổn định sau khi các dự án đầu tư bắt đầu được đưa vào giai đoạn khai thác.

Thực hiện theo phương án đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành bổ sung cổ phiếu niêm yết. Sau khi thực hiện tăng vốn, vốn chủ sở hữu của Công ty đã tăng từ 50.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng. Sắp tới, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục thực hiện việc tăng vốn này để đạt mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Trong cơ cấu nguồn vốn, tỷ trọng nợ phải trả vẫn chiếm phần lớn nguồn vốn. Tuy nhiên, cơ cấu có sự thay đổi trong năm 2018, khi tăng tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu và giảm tỷ trọng nợ. Việc tăng cường sử dụng vốn tự có sẽ giúp cho công ty đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân là công ty huy động vốn chủ sở hữu thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.



C3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Thuận lợi trong năm 2018:

- Thị trường: Ngành xây dựng vẫn được đánh giá là có tiềm năng tăng trưởng lớn trong thời gian tới bởi sự ảnh hưởng tích cực của những yếu tố thúc đẩy nhu cầu xây dựng. Xu hướng đô thị hóa và tăng trưởng tầng lớp trung lưu tạo ra nhu cầu bền vững. Việt Nam được đánh giá là có tỷ lệ đô thị hóa thấp so với khu vực nhưng lại có tốc độ đô thị hóa cao.
- Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhìn chung khá ổn định. Mặc dù trong tình trạng bất ổn của kinh tế thế giới, năm 2018, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng.
- Môi trường kinh doanh: Chủ trương tự do hóa, gỡ bỏ hạn chế đầu tư và cải cách thủ tục hành chính sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, cải thiện môi trường kinh doanh và khuyến khích đầu tư.
- Nguồn lực sản xuất: Đội ngũ nhân sự lâu năm giàu kinh nghiệm chính là một thuận lợi mà công ty đã xây dựng được.
- Mạng kinh doanh xuất khẩu đã và đang được đánh giá sẽ mang lại nguồn lợi nhuận lớn trong thời gian tới khi công ty tích cực tìm kiếm và ký kết hợp đồng xuất khẩu đã và đang.



Khó khăn trong năm 2018:

- Tình hình kinh tế trong và ngoài nước: Kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế toàn cầu với những bất ổn địa chính trị, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới. Do đó, sẽ ảnh hưởng tới tốc độ phục hồi và phát triển của toàn nền kinh tế trong thời gian tới. Mối lo ngại về nguy cơ thăng trầm theo chu kỳ lặp lại 10 năm với nguy cơ bong bóng có thể xảy ra, các ngân hàng siết cho vay tín dụng bất động sản.
- Nguồn vốn đầu tư: Hiện tại, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty chưa đủ lớn để đáp ứng đầy đủ các kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn, Công ty cần tích cực phát huy hiệu quả kinh doanh và tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho kế hoạch phát triển giai đoạn tới.



Mục tiêu kinh doanh năm 2019:

- HĐQT và Ban Giám đốc Công ty xác định các mục tiêu trong năm 2019 của Công ty là: Tiếp tục tái cấu trúc toàn bộ Công ty - Ổn định tài chính - Chuẩn bị và triển khai đầu tư các dự án chiến lược.
- Tiếp tục duy trì và ổn định các loại hình kinh doanh hiện tại của Công ty, xây dựng kế hoạch linh hoạt phù hợp với diễn tiến của thị trường
- Nâng cao hiệu quả bộ máy, xây dựng chiến lược sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng từng giai đoạn phát triển của công ty.
- Tìm kiếm và lựa chọn dự án đầu tư nhằm tạo đà cho Công ty phát triển trong giai đoạn mới. Đa dạng loại hình đầu tư liên doanh liên kết, góp vốn liên doanh trong các dự án
- Thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí trong mọi hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch thực hiện
Doanh thu	Đồng	380
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.5
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	6

Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi - khó khăn chung của nền kinh tế, cùng với thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369, Ban Giám đốc điều hành Công ty trình Đại hội cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2018 với các giải pháp triển khai tích cực, cụ thể như sau:


- Chăm sóc tốt các khách hàng hiện tại, tìm kiếm và phát triển mạng lưới khách hàng mới
- Tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.





D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- D1. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc**
- D2. Tình hình tài chính**
- D3. Kế hoạch kinh doanh năm 2019**

D1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018 là năm bước ngoặt của 1369 khi bắt đầu mở rộng quy mô vốn và triển khai thực hiện nhiều dự án bất động sản đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua. Một số điểm đáng chú ý của năm bước ngoặt cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2018:

- Tổng doanh thu hợp nhất: 199.264.113.789 đồng, tăng trưởng 111.6% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 6.575.632.446 đồng, tăng trưởng 131.4%.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 5.207.501.847 đồng, đạt 68.52% kế hoạch, tăng trưởng 133.58%.

Trong các lĩnh vực cụ thể, Công ty Cổ phần 1369 đã đạt được những kết quả:

Lĩnh vực bất động sản: Năm 2018, Công ty cổ phần 1369 đã triển khai đặt những bước tiến đầu tiên thuận lợi của mình trong lĩnh vực bất động sản. Dự án đầu tiên của 1369 trong lĩnh vực này là dự án Thôn Cả - Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Lĩnh vực xây dựng: Năm 2018, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 đã từng bước nâng cao năng lực. Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình: Showroom Hyundai Thành Đông, nhà xưởng Hyundai Hải Dương, xử lý nước thải Hoàn Bồ - Núi Rùa. Ngoài ra Công ty còn kết hợp với các đơn vị như Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội xây dựng cơ sở hạ tầng Khu đô thị mới – Trung tâm thương mại thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và công trình bến bãi, bốc xếp vật tư hàng hóa và kinh doanh với công ty TNHH Dịch vụ Yên Đức.



Lĩnh vực Xuất nhập khẩu: Hoạt động khai thác và xuất khẩu sản phẩm đá các loại sang thị trường Ấn Độ, Singapore luôn đảm bảo khối lượng và cũng như nguồn cung xuất khẩu ổn định. Các đối tác nước ngoài đánh giá rất cao chất lượng đá công ty cung cấp, điều này khẳng định được uy tín và năng lực của công ty trên thị trường quốc tế. Đặc biệt trong năm 2018 công ty đã ký kết được một số các hợp đồng xuất khẩu giá trị lớn và lâu dài với các đối tác nước ngoài như Công ty Global của Singapore, Công ty Cemcoa của Hồng Kông...

Về thương hiệu: Uy tín và vị thế của Công ty Cổ phần 1369 tiếp tục được khẳng định và nâng cao trên thị trường xây dựng, xuất nhập khẩu, được cổ đông, khách hàng, đối tác tin tưởng, cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước đánh giá cao. Bên cạnh đó, lĩnh vực bất động sản, 1369 đang dần nâng cao thương hiệu của Công ty trên thị trường ở các tỉnh miền Bắc.

D2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2015-2020)	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Minh Tân	Chủ tịch HĐQT	15/08/2003	15	100%
2	Phạm Thị Thế	TV HĐQT	15/08/2003	15	100%
3	Đào Thị Đằm	TV HĐQT	16/06/2016	15	100%
4	Lê Anh Luân	TV HĐQT	15/08/2003	15	100%
5	Nguyễn Văn Miêng	TV HĐQT	16/06/2016	15	100%

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, trong đó có các nội dung chính như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, phân phối lợi nhuận năm 2018;
 - Thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
 - Thông qua việc huy động vốn tiếp tục đầu tư vào dự án thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh;
 - Các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành phù hợp với Điều lệ, các quy định của Luật doanh nghiệp và luật chứng khoán.
- HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT đã tiến hành 15 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng; kịp thời đưa ra các Quyết định tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, điều hành Công ty.
 - Thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn đối với hoạt động giám sát, định hướng hoạt động của Công ty.
 - Giám sát và quản lý bộ máy tổ chức, điều hành tổ chức Công ty có hiệu quả, cẩn trọng, hợp lý và hoạt động đúng nguyên tắc quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật.
 - Khắc phục thiếu sót, nhằm lẫn trong công tác công bố thông tin liên quan tới hoạt động tài chính của Công ty. Qua đó rút ra kinh nghiệm giúp Công ty hoạt động hiệu quả hơn, tránh gặp phải vướng mắc tương tự trong tương lai.

Hoạt động giám sát của HĐQT

Hàng ngày yêu cầu Phó Giám đốc điều hành báo cáo nhanh về tình hình kinh doanh của Công ty.

- Hàng tháng yêu cầu Giám đốc và Kế toán trưởng báo cáo hiệu quả kinh doanh.
- Trong các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc cùng tham dự để nắm bắt được chủ trương lãnh đạo của HĐQT, đồng thời Ban Giám đốc báo cáo tình hình điều hành hoạt động kinh doanh.

Công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

- Xây dựng biện pháp và chỉ đạo triển khai toàn diện các kế hoạch đề ra. Tổ chức các buổi họp định kỳ một cách đầy đủ để kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt thông tin và gỡ bỏ các vướng mắc.
- Tiếp tục thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT một cách phù hợp, để mỗi cá nhân có thể phát huy hoạt động trên lĩnh vực thế mạnh của bản thân, tăng hiệu quả quản lý và tổ chức Công ty.
- Hàng tuần, HĐQT thường xuyên cử thành viên tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban với trưởng bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, cũng như để trực tiếp có ý kiến chỉ đạo hoạt động. Ngoài ra, HĐQT luôn cố gắng kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh hàng ngày trong hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc Công ty theo đúng định hướng mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.
- Hàng quý, dựa trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh quý trước, xác định nguyên nhân nhằm phát huy những điểm mạnh, đồng thời tháo gỡ, khắc phục vấn đề tồn đọng và đưa ra kế hoạch cho quý sau.
- Ban hành các Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư.

D2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	12.03/2018/C69/NQ-HĐQT	12/03/2018	Về việc tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2018
2	21.03/2018/C69/NQ-HĐQT	21/03/2018	Hội đồng quản trị Công ty thống nhất việc vay vốn của Công ty để đầu tư Dự án khu dân cư thôn Cà Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
3	08.05/2018/C69/NQ-HĐQT	08/05/2018	Về việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2017
4	09.05.2018/C69/NQ-HĐQT	09/05/2018	Về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
5	17.05/2018/C69/NQ-HĐQT	17/05/2018	Về việc phương án chào bán, phương án sử dụng vốn, tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán cổ phiếu riêng lẻ, danh sách các đối tượng được chào bán dự kiến và hồ sơ xin phép chào bán cổ phiếu riêng lẻ
6	31.05/2018/C69/NQ-HĐQT	31/05/2018	Về việc lựa chọn lại nhà đầu tư tham gia mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu được mua trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2018
7	406/2018/C69/NQ-HĐQT	04/06/2018	Về việc vay vốn đầu tư
8	20.06/2018/C69/NQ-HĐQT	20/06/2018	Về việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
9	2806A/2018/C69/NQ-HĐQT	28/06/2018	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán
10	1308/2018/C69/NQ-HĐQT	13/08/2018	Về việc lộ trình chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2018
11	1708/2018/C69/NQ-HĐQT	17/08/2018	Về việc thay đổi thời gian nộp tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2018
12	2808/2018/C69/NQ-HĐQT	28/08/2018	Về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ; sửa đổi bổ sung điều lệ công ty; đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niên yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
13	1209A/2018/C69/NQ-HĐQT	12/09/2018	Về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng
14	1209/2018/C69/NQ-HĐQT	12/09/2018	Về việc bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty
15	0111.2018/C69/NQ-HĐQT	01/11/2018	Về việc thông qua ngày giao dịch chính thức cổ phiếu niêm yết bổ sung

D3. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/năm)	Số tháng làm việc/năm
I	Hội đồng quản trị	5		
1	Chủ tịch HĐQT	1	15.000.000	12
2	Ủy viên HĐQT	4	12.000.000	12
II	Tổng cộng	8	91.000.000	

D4. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT & NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019



Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch năm 2019

- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục ổn định và phát triển, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn rủi ro do chiến tranh thương mại, ...;

- Hiệp định CPTPP đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019. Đây là hiệp định được đánh giá là tiến xa nhất và toàn diện nhất ở thời điểm hiện nay, thể hiện bước tiến mới của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hiệp định CPTPP và các hiệp định tự do khác sẽ tác động lớn tới nền kinh tế Việt Nam thông qua việc thúc đẩy cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn công của Nhà nước, từ đó tạo cơ chế thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển;

Kế hoạch năm 2019

Từ những yếu tố trên, với những kết quả đạt được trong năm 2018, Hội đồng quản trị đặt ra kế hoạch 2019 như sau:
Tiếp tục triển khai, thực hiện chiến lược phát triển tổng thể Công ty đến năm 2020, chiến lược tài chính, ...

- Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển Kinh tế Xã hội năm 2019, trong đó có mục tiêu tăng trưởng GDP là 6,6%-6,8%, đổi mới thể chế là đột phá quan trọng;

- Nghị quyết số 36-NQ/TW của BCH Trung ương về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030 và tầm nhìn đến 2045;

- Tín dụng Bất động sản bị điều tiết chặt chẽ;

- Thị trường Bất động sản 2019 được dự báo là ổn định, tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn các yếu tố rủi ro, cản trở bất động sản phát triển bền vững như chính sách pháp luật về BĐS

Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019, dự kiến như sau:
+ Tổng doanh thu: 380 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 12.5 tỷ đồng
+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 10 tỷ đồng
+ Tỷ lệ cổ tức (dự kiến): 6%

Về lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực bất động sản: Ban lãnh đạo và các phòng ban phụ trách tiếp tục bám sát để trở thành đơn vị đầu tư, đấu thầu các dự án tại Hải Dương, Bắc Ninh, Lâm Đồng, Đắk Nông.

- Lĩnh vực xuất khẩu: Mục tiêu doanh thu mảng xuất khẩu của Công ty đặt ra là 120 tỷ đồng trong năm 2019, đến quý I đã hoàn thành > 50% mục tiêu đặt ra.

Về thương hiệu

- Mở rộng quy mô, thành lập thêm Chi nhánh, hoàn thiện cơ cấu nhân sự cho Chi nhánh để tiếp nhận trở thành Đại lý của Vinfast tại Hải Dương.

Về quy mô

Tiếp tục giữ vững, nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty trong các lĩnh vực.

- Lĩnh vực xây dựng: Trở thành đơn vị thi công lớn của tỉnh Hải Dương. Với kế hoạch xây dựng Đại lý Vinfast tại Hải Dương, Dự án tòa nhà văn phòng tại Chí Linh, Hải Dương. Bên cạnh đó, công ty còn có kế hoạch ký kết hợp đồng xây dựng cho các đối tác trong và ngoài nước như tại Từ Sơn, Bắc Ninh hay Đài Loan, Trung Quốc mang lại Doanh thu 100-120 tỷ đồng cho 1369.

- Nâng cao năng lực tài chính của Công ty, đáp ứng nhu cầu vốn triển khai các Dự án trên nhiều lĩnh vực và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Về công nghệ

Nghiên cứu về Công nghệ 4.0, áp dụng vào việc quản trị công ty, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, và đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh, marketing.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- E1. Hội đồng quản trị**
- E2. Ban kiểm soát**



E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị
Hoạt động của Hội đồng quản trị
(Thông tin đã nêu ở phần D. Báo cáo của Hội đồng quản trị)

E2. BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động

- Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát; thường xuyên tổ chức họp để trao đổi kế hoạch công việc về chuyên môn nghiệp vụ giữa các thành viên Ban Kiểm soát;
- Tham gia các buổi họp giao ban của Ban Lãnh đạo Công ty về kế hoạch kinh doanh hàng tuần, tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh của phòng tài chính kế toán cung cấp.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;

- Thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý và năm của công ty;
 - Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty, các bộ phận phòng ban;
- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và hỗ trợ tích cực của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc cũng như các đơn vị chức năng trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban.
- Năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hay khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Xuân Bản	Trưởng BKS	01/2015	2	100%
2	Phạm Thị Doan	Kiểm soát viên	01/2015	2	100%
3	Cao Hà Linh	Kiểm soát viên	01/2015	2	100%

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các thành viên.

STT	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ
1	T3/2018	+ Xem xét Báo cáo tài chính năm 2017 + Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT	3/3
2	T8/2018	+ Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT	3/3



Đề xuất của Ban kiểm soát đối với HĐQT

- Từ tình hình kinh doanh thực tế trong năm 2018 Ban kiểm soát đã có một số đề xuất đối với Hội đồng quản trị như sau:
 - Kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu đầu vào để tăng tỷ suất lợi nhuận cho Công ty.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Năm 2018, HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất, ban hành các Nghị quyết, Quyết định một cách kịp thời, hợp lệ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- HĐQT thực hiện tốt công tác giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động HĐQT, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện tốt vai trò quản trị Công ty.
- Ban giám đốc gồm 05 người, trong đó 02 người là thành viên HĐQT, do đó thuận lợi trong việc nắm bắt chủ trương và chủ động thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty.
- Năm 2018, Ban giám đốc đã điều hành theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định. Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động, tích cực trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác dự báo nhu cầu thị trường, mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng, và có cơ hội tiếp xúc với nhiều dự án tốt.

Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

- HĐQT và Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo cán bộ công nhân viên Công ty tiết kiệm tối đa các chi phí, duy trì, ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty. Các phòng ban luôn có tinh thần trách nhiệm cao, góp phần tích cực trong hoạt động kinh doanh.
- Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp với HĐQT và Ban Giám đốc để kiểm soát việc giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc điều hành.
- Hoạt động của Ban kiểm soát luôn có sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban. Hoạt động của Ban kiểm soát có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mối quan hệ phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát là phù hợp với chuẩn mực, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Nhìn chung năm 2018 Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên trong năm 2018 sự liên lạc, trao đổi hoặc hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với các cổ đông vẫn chưa có gì đáng kể.
- Để cải thiện vấn đề này Ban kiểm soát dự kiến từ năm 2019 sẽ chủ động sử dụng hình thức thu nhận ý kiến qua Thư điện tử và trao đổi trực tiếp với cổ đông thông qua Ban quan hệ cổ đông.

E2. BAN KIỂM SOÁT

Việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, Ban kiểm soát giám sát Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty hoạt động đúng các chế độ, chính sách của Nhà nước cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2018

Khoản mục	Thực hiện 2018 (tỷ đồng)
Vốn điều lệ	100
Tổng doanh thu	199,26
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6,58
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5,21

Tóm tắt tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)	Chỉ tiêu	Số tiền (tỷ đồng)
I. Tài sản ngắn hạn	91,90	I. Nợ phải trả	122,80
1. Tiền và các khoản tương đương	1,18	1. Nợ ngắn hạn	117,97
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	37,83	2. Nợ dài hạn	4,83
3. Hàng tồn kho	52,59	II. Vốn của sở hữu	106,28
4. Tài sản ngắn hạn khác	0,30	1. Vốn chủ sở hữu	100
II. Tài sản dài hạn	137,18	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,28
1. Phải thu dài hạn	1,18	3. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0
2. Tài sản cố định	37,83	Tổng nguồn vốn	229,08
3. Bất động sản đầu tư	52,59		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0		
5. Tài sản dài hạn khác	0,49		
Tổng tài sản	229,08		

E2. BAN KIỂM SOÁT

Công tác quản lý tài chính

- Về chế độ chi tiêu tài chính: Công ty đã tuân thủ chế độ chi tiêu tài chính theo quy định hiện hành;
- Công tác đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, các khoản tạm ứng đầy đủ;
- Về chế độ ghi chép ban đầu, sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính: Công ty đang áp dụng phương pháp kế toán Nhật ký chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính được lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Về quản lý Tài sản cố định, công cụ lao động: Công ty đã thực hiện kiểm kê TSCĐ, Công cụ lao động tại thời điểm 0h ngày 01 tháng 01 năm 2018 và 0h ngày 01 tháng 01 năm 2019, đã lập Sổ, thẻ TSCĐ, CCLĐ, lưu hồ sơ và tính trích khấu hao TSCĐ, CCLĐ theo đúng quy định hiện hành.
- Việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước: Công ty đã thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các loại sắc thuế có liên quan.

Hoạt động khác của BKS

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ quý để kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính



E2. BAN KIỂM SOÁT

Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2019

Cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát 2019

Cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát 2019 sẽ tiến hành bầu bổ sung Trưởng Ban kiểm soát phù hợp với Luật Chứng khoán, và các Nghị định, thông tư theo quy định.

Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2019

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2019 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty;
- Họp Ban kiểm soát 2 lần/năm.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị xem xét và phê duyệt;
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty;
- Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty và các bộ phận phòng ban hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Tạo cổng thông tin chia sẻ, tạo lập mối quan hệ giữa cổ đông và Công ty;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị của Ban kiểm soát với Đại hội đồng cổ đông

- Năm hoạt động năm 2018, Công ty cổ phần xây dựng 1369 đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội cổ đông giao; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nghĩa vụ thuế với Ngân sách nhà nước; đảm bảo việc làm, thu nhập và các quyền lợi khác cho người lao động; hoạt động tài chính lành mạnh, vốn đầu tư của các cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Để tiếp tục phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty, Ban kiểm soát kiến nghị một số việc như sau:

+ Xây dựng và hoàn thiện các quy trình quản lý nội bộ và tăng cường việc kiểm soát nội bộ của công ty;

+ Công ty cần xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể mang tính khả thi trong năm 2019 và các năm tiếp theo phù hợp với tình hình nền kinh tế của Việt Nam nói chung và tình hình hoạt động của Công ty nói riêng đảm bảo sự phát triển an toàn bền vững của Công ty.

+ Nắm bắt kịp thời, dự báo trước những thay đổi về lãi suất, tỷ giá ngoại tệ, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường để chủ động đánh giá, kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động;

+ Công ty cần chú trọng trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự cho các vị trí nhằm đáp ứng được các yêu cầu công việc và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động trong thời gian sắp tới;

+ Tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa Quy chế Tài chính của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.



F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Những tác động liên quan đến môi trường & cộng đồng địa phương

F2. Chính sách người lao động

F1. Những tác động liên quan đến môi trường và cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Ban kiểm soát giám sát Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty hoạt động đúng các chế độ, chính sách của Nhà nước cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất. Ý thức được điều đó, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 luôn đề cao trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng địa phương trong tiến trình phát triển của mình.

Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong ngành Xây dựng, xuất khẩu Vật liệu xây dựng, ngoài việc cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một hướng đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa then chốt. Những cam kết bảo vệ môi trường, cam kết với cộng đồng và người lao động không phải là những lời hứa suông, mà chính là giá trị của doanh nghiệp; là lòng tin, sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp; là sự đảm bảo về môi trường, cơ hội cho các thế hệ tương lai.

Trong khoảng vài năm gần đây, các trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khâu xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp môi trường bị hủy hoại, bất chấp sức khỏe và tính mạng của cộng đồng gần khu công nghiệp. Một số quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt với hậu quả để lại sau thời kì phát triển "nóng". Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu như doanh nghiệp có ý thức ngăn chặn sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Ý thức được điều đó, Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 luôn đặt trách nhiệm này lên hàng đầu trong định hướng phát triển của mình.

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng 1369, song song với việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và thường xuyên nghiên cứu, đổi mới, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, các vấn đề về môi trường, xã hội và cộng đồng là một trong những ưu tiên được đặt lên hàng đầu. Xét về đặc thù ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có khả năng gây ảnh hưởng tới sinh hoạt của người dân cũng như môi trường xung quanh, bởi vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng các hoạt động liên quan tới gìn giữ, giải quyết các vấn đề liên quan. Hiện tại, Công ty đang triển khai, áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu trong việc thi công và khai thác, nhằm sử dụng nguyên liệu đầu vào một cách hiệu quả nhất, hạn chế tối đa chất thải, khói bụi kèm theo tiến trình thi công.

Chúng tôi tin rằng, để có thể đạt được mục tiêu này, phát triển bền vững cần được xem là nền tảng hành động của toàn doanh nghiệp, phải được gắn liền với các kế hoạch và quyết định của Ban Lãnh đạo. Phương châm này, trên thực tế đã được phản ánh qua quá trình xây dựng, ban hành, cũng như tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong tất cả các lĩnh vực vận hành của Công ty. Trong đó, doanh nghiệp thường xuyên nghiên cứu, vận dụng, đổi mới thiết bị, công nghệ, quy trình sản xuất, đặc biệt là xử lý chất thải nhằm tối ưu hóa hoạt động bảo vệ môi trường.



F2. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Một khía cạnh khác đóng góp phần không nhỏ vào định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp chính là công tác bố trí và đào tạo nhân sự. Công ty đặc biệt quan tâm tới việc bổ sung kiến thức định kỳ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, đồng thời với việc chú ý xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận. Ngoài ra, Công ty đang tăng cường hoạt động, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ Công ty.

Có thể nhận xét một cách khách quan rằng công tác bảo vệ môi trường đã được Công ty thực hiện tốt trong năm 2018 vừa qua, không để lại bất kỳ sự cố nào về môi trường cũng như không ghi nhận bất cứ vi phạm nào trong các đợt thanh tra kiểm tra các cấp. Chúng tôi cam kết giữ vững thành tích này trong năm 2019 và phấn đấu thực hiện tốt hơn nữa trên tất cả mọi khía cạnh liên quan.

Chính sách an toàn lao động, vệ sinh lao động

Đề xuất, tập huấn, thi hành các giải pháp khả thi đảm bảo an toàn trong phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

Hàng tháng, doanh nghiệp tổ chức đoàn kiểm tra, thẩm định công tác đảm bảo an toàn, vệ sinh của đơn vị trực thuộc.

Tại khu vực thi công, Công ty đảm bảo cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho tất cả nhân sự đang hoạt động.

Thường xuyên huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Công ty nhằm trang bị đầy đủ kiến thức, nâng cao ý thức về an toàn lao động.

Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, giảm thiểu tối đa lượng chất thải, khí thải, khói bụi ra môi trường xung quanh.

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ ngày, 6 ngày/ tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế thoáng mát, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc.

Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

A top-down view of a desk with a laptop, an open notebook, a yellow pencil, a pair of glasses, and a smartphone. A small potted plant is in the top left corner.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN 2018

- G1. Ý kiến của đơn vị kiểm toán**
- G2. Bảng cân đối kế toán**
- G3. Báo cáo kết quả kinh doanh**
- G4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- G5. Thuyết minh báo cáo tài chính**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Tân	Chủ tịch
Ông Lê Anh Luân	Thành viên
Bà Phạm Thị Thế	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Bà Đào Thị Đằm	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trần Xuân Bản	Trưởng ban
Bà Cao Hà Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Đoan	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Tuấn Nghĩa	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/03/2019
Ông Lê Anh Luân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/03/2019
Bà Phạm Thị Thế	Phó Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mến	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2018
Ông Phạm Văn Thụ	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thúy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/09/2018
Bà Lê Thị Dung	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/09/2018

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Tuấn Nghĩa
Giám đốc

Hải Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Số: 147/2019/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27/03/2019, từ trang 06 đến trang 38 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.6 của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2018 giảm 1,6 tỷ đồng so với mức trích khấu hao theo khung thời gian khấu hao tài sản cố định của năm trước.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHNKT số: 0933-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHNKT số: 2277-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.895.859.445	98.399.775.621
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.176.412.894	1.542.083.807
Tiền	111		1.176.412.894	1.542.083.807
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.825.603.934	53.164.358.918
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	32.354.265.912	48.868.857.860
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.682.301.500	2.574.144.164
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	789.036.522	1.721.356.894
Hàng tồn kho	140		52.591.398.888	43.015.570.213
Hàng tồn kho	141	7	52.591.398.888	43.015.570.213
Tài sản ngắn hạn khác	150		302.443.729	677.762.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.443.747	556.193.473
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	121.569.210
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17.999.982	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		137.179.464.708	42.885.368.874
Các khoản phải thu dài hạn	210		12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	12.000.000.000	12.000.000.000
Tài sản cố định	220		33.010.073.700	30.885.368.874
Tài sản cố định hữu hình	221	10	25.122.554.508	24.657.328.974
- Nguyên giá	222		37.125.251.756	35.635.740.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.002.697.248)	(10.978.411.406)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	7.887.519.192	6.228.039.900
- Nguyên giá	225		8.460.945.456	6.374.581.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(573.426.264)	(146.541.919)
Tài sản dở dang dài hạn	240		91.674.657.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		91.674.657.545	-
Tài sản dài hạn khác	260		494.733.463	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		494.733.463	-
TỔNG TÀI SẢN	270		229.075.324.153	141.285.144.495

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		122.799.751.672	87.217.073.861
Nợ ngắn hạn	310		117.969.371.672	82.076.485.861
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	41.101.344.306	22.496.806.327
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.273.189.622	8.111.897.010
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.409.564.090	5.126.357.346
Phải trả người lao động	314		-	4.722.053.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		4.611.889	2.082.063
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	68.180.651.765	41.617.290.115
Nợ dài hạn	330		4.830.380.000	5.140.588.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	4.830.380.000	5.140.588.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.275.572.481	54.068.070.634
Vốn chủ sở hữu	410	14	106.275.572.481	54.068.070.634
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	50.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.275.572.481	4.068.070.634
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.068.070.634	169.780.031
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.207.501.847	3.898.290.603
TỔNG NGUỒN VỐN	440		229.075.324.153	141.285.144.495

Hải Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thị Thúy

Lê Tuấn Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	199.289.613.789	180.183.584.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.500.000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		199.264.113.789	180.183.584.722
Giá vốn hàng bán	11	17	175.206.854.407	163.670.928.401
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.057.259.382	16.512.656.321
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	241.300.988	36.746.226
Chi phí tài chính	22	19	4.300.804.223	1.561.018.575
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.264.329.260	1.555.383.456
Chi phí bán hàng	25	20	5.417.331.336	2.324.045.605
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	8.816.910.732	7.897.695.547
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.763.514.079	4.766.642.820
Thu nhập khác	31	21	1.317.361.861	12.752.475.850
Chi phí khác	32	22	505.243.494	12.515.017.181
Lợi nhuận khác	40		812.118.367	237.458.669
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.575.632.446	5.004.101.489
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.368.130.599	1.105.810.886
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.207.501.847	3.898.290.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	774	780

Hải Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thị Thúy

Lê Tuấn Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.575.632.446	5.004.101.489
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.998.214.869	3.487.891.619
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(71.965.270)	2.267.547
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(39.928.718)	(137.503.826)
Chi phí lãi vay	06	4.264.329.260	1.555.383.456
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.726.282.587	9.912.140.285
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.732.498.736	(23.967.378.436)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(101.250.486.220)	15.310.902.444
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.869.437.945	(2.051.218.022)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(222.583.737)	382.859.195
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.264.329.260)	(1.687.934.499)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.292.888.893)	(669.282.099)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(11.803.217)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(68.713.872.059)	(2.769.911.132)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.902.634.599)	(6.038.140.887)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	286.736.113	125.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.909.273	12.503.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.613.989.613)	(5.900.637.061)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	216.977.852.780	83.919.887.725
Tiền trả nợ gốc vay	34	(190.726.231.130)	(70.556.169.836)
Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35	(2.293.858.000)	(1.568.644.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	70.957.763.650	9.795.073.889
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(370.098.022)	1.124.525.696
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.542.083.807	417.575.658
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.427.109	(17.547)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.176.412.894	1.542.083.807

Hải Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Ngọc Anh

Nguyễn Thị Thúy

Lê Tuấn Nghĩa

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp

9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Hợp tác xã Tân Sơn; Hợp tác xã chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần kể từ ngày 15/8/2003 theo Quyết định ngày 15/8/2003 của Hội đồng Quản trị; hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0800282385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 15/8/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 20/03/2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 20/03/2019 của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn).

Tên tiếng Anh: 1369 Construction Joint Stock Company.

Trụ sở chính: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý dự án và tư vấn quản lý dự án;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vôi;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt kết cấu thép;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác, chế biến đá, đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất than tổ ong;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa vào bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán xăng, dầu, mỡ, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;

10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than, các sản phẩm từ than;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phụ gia sản xuất xi măng; bán buôn khoáng sản đã qua chế biến;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ;
- Kinh doanh, bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại thời điểm 31/12/2018, cơ cấu Công ty gồm có:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây viết tắt là "Văn phòng Công ty"), tại số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- 01 (một) Chi nhánh hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình, địa chỉ tại thôn 3B, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 NHÂN VIÊN

Số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty tại ngày 31/12/2018 là 47 người, tại ngày 31/12/2017 là 52 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách chuẩn mực và chế độ kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình, địa chỉ tại thôn 3B, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Các số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30

Trong năm, Công ty thực hiện thay đổi thời gian khấu hao của các nhóm tài sản dẫn tới chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2018 giảm đi 1,6 tỷ đồng so với mức trích theo khung khấu hao cũ.

4.7 DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

4.8 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

4.9 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuế tài chính; lỗ do bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

4.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính tổng hợp, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Tiền mặt	255.145.321		125.074.463	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	921.267.573		1.417.009.344	
	1.176.412.894		1.542.083.807	

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.354.265.912		48.868.857.860	
- Công ty TNHH Hoa Nhân	11.192.910.999		14.469.290.303	
- Công ty TNHH Toàn Thắng	-		6.167.507.984	
- Công ty CP Thương mại Xuất khẩu T&T	-		3.067.198.645	
- Công ty Cổ phần Ô tô Hải Dương	3.656.876.000		4.206.876.000	
- TS GLOBAL PROCUREMENT CO.PTE.LTD	1.506.204.809		10.235.250.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.998.274.104		10.722.734.928	
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.278.426.659		9.940.313.288	
- Công ty CP Thương mại Xuất khẩu T&T	-		3.067.198.645	
- Công ty TNHH Toàn Thắng	-		6.167.507.984	
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	1.278.426.659		705.606.659	

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.186.805.935	-	10.270.037.842	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.502.404.820	-	23.502.907.505	-
Hàng hóa	16.902.188.133	-	9.242.624.866	-
	52.591.398.888		43.015.570.213	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	789.036.522	-	1.721.356.894	-
- Ký cược, ký quỹ	224.500.000	-	176.500.000	-
- Các khoản phải thu khác	564.536.522	-	1.544.856.894	-
+ Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (thuế GTGT)	562.170.883	-	562.170.883	-
+ Công ty cổ phần kinh doanh chế biến hàng XNK Đà Nẵng	-	-	978.706.000	-
+ Các khoản phải thu khác	2.365.639	-	3.980.011	-
Dài hạn	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
- Hợp tác kinh doanh với Chi nhánh Công ty CP Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp Đá thống nhất (*)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
	12.789.036.522	-	13.721.356.894	-

(*) Đây là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh cùng Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp Đá Thống Nhất để thực hiện dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HEĐ/2016/1369-DH ngày 18/05/2016. Thời hạn hợp tác là hết thời hạn khai thác mỏ theo Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh (15 năm kể từ ngày 13/02/2014).

Việc thu hồi vốn đầu tư theo kế hoạch của hợp đồng sẽ thực hiện từ năm 2018, theo đó:

- Trường hợp có lãi: Vốn đầu tư sẽ được thu hồi 600 triệu đồng/năm đến cuối năm 2027, năm kết thúc dự án Công ty sẽ thu hồi 6 tỷ đồng và 40% số tiền lãi từ thanh lý tài sản cố định dự án;
- Trường hợp thua lỗ: Vốn đầu tư sẽ được thu hồi phần còn lại của 600 triệu đồng sau khi đã trừ lỗ 40% phải chịu trong năm tài chính đó.

Khoản đầu tư này có tính chất là hợp đồng hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân. Lợi nhuận được chia giữa các bên theo quy định trên hợp đồng hợp tác là 40% Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - 60% Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh sau thời điểm quyết toán năm tài chính, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, giảm trừ các khoản chi phí hợp lệ.

Theo Biên bản xác nhận số 01/BBXN/2018/1369 ngày 15/01/2019 giữa Công ty với Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp Đá Thống Nhất, 2 bên xác nhận trong năm 2018, Công ty chưa thu hồi lại tiền gốc của Dự án theo mục 3.3, Điều 3 trong Hợp đồng đã ký kết cũng như chưa phân chia lợi nhuận giữa hai bên để tiếp tục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ		
01/01/2018	6.374.581.819	6.374.581.819
- Thuê tài chính trong năm (*)	2.086.363.637	2.086.363.637
31/12/2018	8.460.945.456	8.460.945.456
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2018	146.541.919	146.541.919
- Khấu hao trong năm	426.884.345	426.884.345
31/12/2018	573.426.264	573.426.264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2018	6.228.039.900	6.228.039.900
31/12/2018	7.887.519.192	7.887.519.192

(*) Là khoản thuê tài chính theo hợp đồng số 02.023/2018/TSC/CTTC ngày 10/05/2018 cho thuê tài sản là: Máy xúc lật LG953N mới 100% (xuất xứ Trung Quốc), giá trị 1.135.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) và hợp đồng số 02.054/2018/TSC/CTTC ngày 23/07/2018 cho thuê tài sản là: Máy lu rung JCB VM115D mới 100%, giá trị 1.160.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) giữa Công ty và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/ phương án thuê tài chính của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CP XÂY DỰNG 1369
Số 37, 38, phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
01/01/2018	1.202.060.645	20.241.522.325	14.192.157.410	35.635.740.380
- Mua trong năm	-	1.054.545.454	1.967.295.454	3.021.840.908
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.318.181.818	-	-	1.318.181.818
- Thanh lý, nhượng bán	(36.000.000)	(386.666.666)	(2.427.844.684)	(2.850.511.350)
31/12/2018	2.484.242.463	20.909.401.113	13.731.608.180	37.125.251.756
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2018	143.371.700	6.605.857.493	4.229.182.213	10.978.411.406
- Khấu hao trong năm	196.290.880	1.954.278.982	1.420.760.662	3.571.330.524
- Thanh lý, nhượng bán	(31.200.000)	(386.666.666)	(2.129.178.016)	(2.547.044.682)
31/12/2018	308.462.580	8.173.469.809	3.520.764.859	12.002.697.248
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	1.058.688.945	13.635.664.832	9.962.975.197	24.657.328.974
31/12/2018	2.175.779.883	12.735.931.304	10.210.843.321	25.122.554.508

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 2.936.238.095 đồng. Giá trị còn lại của Tài sản cố định được sử dụng để cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 7.968.621.418 đồng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	41.101.344.306	41.101.344.306	22.496.806.327	22.496.806.327
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Hùng	217.991.323	217.991.323	2.308.405.715	2.308.405.715
- Công ty TNHH MTV Vật tư Xăng dầu Hải Hà	1.085.859.617	1.085.859.617	1.941.578.500	1.941.578.500
- Công ty TNHH Tân Bình	1.009.832.653	1.009.832.653	3.815.833.727	3.815.833.727
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Anh Thư	4.916.721.680	4.916.721.680	1.908.905.680	1.908.905.680
- Công ty CP Điện công nghiệp Việt Nam	4.846.800.000	4.846.800.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải HA	2.001.600.000	2.001.600.000	-	-
- Chi nhánh Công ty CPXD Đông Hải Quảng Ninh - XN đá Thống Nhất	6.395.849.000	6.395.849.000	2.051.000.000	2.051.000.000
- Các đối tượng khác	20.626.690.033	20.626.690.033	10.471.082.705	10.471.082.705
Các khoản phải trả người bán dài hạn	41.101.344.306	41.101.344.306	22.496.806.327	22.496.806.327
Phải trả người bán là các bên liên quan	9.244.542.490	9.244.542.490	2.051.000.000	2.051.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	2.848.693.490	2.848.693.490	-	-
- Chi nhánh Công ty CPXD Đông Hải Quảng Ninh - XN đá Thống Nhất	6.395.849.000	6.395.849.000	2.051.000.000	2.051.000.000

21

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số còn lại VND
Thuế và các khoản phải nộp	3.635.340.184	1.392.915.558	4.080.873.170	947.382.572
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	8.697.315.253	8.697.315.253	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.328.963.036	1.404.803.249	1.292.888.893	1.440.877.392
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.304.126	149.998.470	249.998.470	21.304.126
- Thuế thu nhập cá nhân	-	82.619.817.000	82.619.817.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.750.000	12.926.759	53.676.759	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.126.357.346	94.277.776.289	96.994.569.545	2.409.564.090

22

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	41.617.290.115	37.065.590.115	219.583.460.780	68.180.661.765
Vay ngắn hạn	31.553.882.115	27.002.182.115	216.657.852.780	63.265.503.765
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hải Dương	22.088.360.395	22.088.360.395	70.589.907.582	28.417.860.186
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	4.913.821.720	4.913.821.720	36.919.187.975	19.679.943.579
- Bà Phạm Thị Thế	-	-	20.379.000.000	1.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Tuyết	-	-	31.551.091.223	800.000.000
- Ông Lê Duy Khoa	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
- Bà Vũ Thị Thu Hiền	-	-	28.907.666.000	-
- Bà Phạm Thị Mến	-	-	1.000.000.000	-
- Ông Vương Anh Tuấn	-	-	12.235.000.000	-
- Ông Lê Anh Luân - Chi nhánh Quảng Bình vay	4.551.700.000	-	12.576.000.000	10.867.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.063.408.000	10.063.408.000	2.925.608.000	4.915.158.000
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	1.030.000.000	1.030.000.000	600.000.000	1.080.000.000
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vietinbank VN	1.403.408.000	1.403.408.000	1.825.608.000	935.158.000
- Ông Lê Anh Luân	4.730.000.000	4.730.000.000	-	-
- Ông Đỗ Tiến Quốc	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000
- Bà Lương Thị Hiền	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000

23

CÔNG TY CP XÂY DỰNG 1369

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5.140.588.000	5.140.588.000	2.615.400.000	4.830.380.000
Vay dài hạn	1.100.000.000	1.100.000.000	320.000.000	320.000.000
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hải Dương	500.000.000	500.000.000	-	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	600.000.000	600.000.000	320.000.000	320.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	4.040.588.000	4.040.588.000	2.295.400.000	4.510.380.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vietinbank VN	4.040.588.000	4.040.588.000	2.295.400.000	4.510.380.000
	46.757.878.115	42.206.178.115	222.198.860.780	73.011.041.765

Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2018:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng/ thời hạn	Lãi suất(%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN TP Hải Dương	1730023/HĐTD	22/02/2017	Theo từng khế ước nhận nợ	Bao đảm bằng tài sản
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	30.06/CNHD9/2017/HĐC-VHIM/1369	10/01/2017	Theo từng khế ước nhận nợ	Bao đảm bằng tài sản
Lê Anh Luân	09/HĐMTCN	12 tháng	0%	Không áp dụng

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết vay, nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2018:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	15.11/CNHD9/2017/HĐCVTL/1369	15/11/2017	Thả nổi	Bảo đảm bằng tài sản
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vietinbank VN	02.023/2018/TSC/CTTC, 02.054/2018/TSC-CTTC	10/05/2018, 23/07/2018	Thả nổi	Bảo đảm bằng tài sản

Chi tiết vay dài hạn tại ngày 31/12/2018:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	18.07/2018-HĐCVDADT/NHCT340-1369	18/07/2018	Thả nổi	Bảo đảm bằng tài sản

Chi tiết nợ thuế tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2018:

Ngân hàng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vietinbank VN	02.023/2018/TSC/CTTC, 02.054/2018/TSC-CTTC	10/05/2018, 23/07/2018	Thả nổi	Bảo đảm bằng tài sản

25

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CP XÂY DỰNG 1369

Số 37, 38, phố Dã Tượng, phường, Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**14.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2017	50.000.000.000	2.155.282.012	52.155.282.012
- Lãi trong năm	-	3.898.290.603	3.898.290.603
- Chi trả cổ tức	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tăng khác	-	14.498.019	14.498.019
31/12/2017	50.000.000.000	4.068.070.634	54.068.070.634
01/01/2018	50.000.000.000	4.068.070.634	54.068.070.634
- Lãi trong năm	-	5.207.501.847	5.207.501.847
- Tăng vốn trong năm (*)	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Chi trả cổ tức trong năm (**)	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
31/12/2018	100.000.000.000	6.275.572.481	106.275.572.481

(*) Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho giai đoạn từ ngày 13/08/2018 đến 27/08/2018, số lượng 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết số 01/2018/C69/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty.

26

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	50.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	2.000.000.000

14.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2018 CP	01/01/2018 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	38.533,87	295,26

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	132.449.231.160	83.704.636.471
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.281.684.500	2.164.518.375
Doanh thu công trình xây dựng	65.558.698.129	94.314.429.876
	199.289.613.789	180.183.584.722

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	117.584.323.873	75.391.154.740
Giá vốn cung cấp dịch vụ	768.021.577	1.817.528.665
Giá vốn công trình xây dựng	56.854.508.957	86.462.244.996
	175.206.854.407	163.670.928.401

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.909.273	12.503.826
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	167.426.445	24.242.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	71.965.270	-
	241.300.988	36.746.226

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	4.264.329.260	1.555.383.456
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	36.474.963	3.367.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	2.267.547
	4.300.804.223	1.561.018.575

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.816.910.732	7.897.695.547
Chi phí nhân viên quản lý	4.764.732.764	2.276.346.486
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.464.732	22.609.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	677.542.612	426.328.380
Thuế phí, lệ phí	456.690.103	339.918.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.300.912.309	3.897.109.101
Chi phí quản lý khác	1.464.568.212	935.383.687
b. Các khoản chi phí bán hàng	5.417.331.336	2.324.045.605
Chi phí nhân viên bán hàng	1.335.297.078	257.026.739
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	-	12.332.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.931.308.985	2.054.686.561
Chi phí bán hàng khác	150.725.273	-

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38.019.445	125.000.000
Thu nhập từ tiền đền bù dự án Phạm Mệnh	-	12.514.706.000
Thu nhập từ tiền thưởng tiến độ hợp đồng	1.279.342.416	-
Thu nhập khác	-	112.769.850
	1.317.361.861	12.752.475.850

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý Công cụ dụng cụ	79.169.666	-
Các khoản bị phạt, truy thu	426.073.828	489.685.395
Chi phí từ tiền đền bù dự án Phạm Mệnh	-	12.023.305.000
Các khoản chi phí khác	-	2.026.786
	505.243.494	12.515.017.181

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.575.632.446	5.004.101.489
Các khoản chi phí không được khấu trừ	193.055.281	524.952.942
- Các khoản chi phí phạt vi phạm hành chính	85.322.828	489.685.395
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	-	2.267.547
- Tiền lương và phụ cấp HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	50.000.000	33.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và phải thu cuối năm trước trở thành đã thực hiện trong năm nay	(2.267.547)	-
- Chi phí không được trừ khác	60.000.000	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(71.965.270)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm	(71.965.270)	-
- Khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế khác	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.840.652.997	5.529.054.431
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.368.130.599	1.105.810.886

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.207.501.847	3.898.290.603
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (*)	6.726.027	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	774	780

(*) Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm được tính bằng: Khối lượng cổ phiếu đầu năm + (Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm trong năm * Số ngày lưu hành trong năm)/Tổng số ngày trong năm.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	38.128.744.259	29.372.061.971
Chi phí nhân công	17.682.370.226	38.297.445.952
Khấu hao tài sản cố định	3.998.214.869	3.487.891.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.215.224.504	41.586.150.933
Chi phí bằng tiền khác	2.968.989.329	1.670.457.067
	104.993.543.187	114.414.007.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

26.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN NĂM 2018

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND			
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu công trình xây dựng	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	132.423.731.160	1.281.684.500	65.558.698.129	199.264.113.789
- Công ty CP Xây dựng 1369	98.216.241.217	1.281.684.500	65.558.698.129	165.056.623.846
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	34.207.489.943	-	-	34.207.489.943
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	-	-	-	-
3. Khấu hao	-	-	-	3.998.214.869
- Công ty CP Xây dựng 1369	-	-	-	2.868.266.832
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	-	-	-	1.129.948.037
4. Lợi nhuận gộp	14.839.407.287	513.662.923	8.704.189.172	24.057.259.382
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	5.207.501.847
TÀI SẢN				
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	3.021.840.908
- Công ty CP Xây dựng 1369	-	-	-	2.621.840.908
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	-	-	-	400.000.000
Tổng tài sản	-	-	-	229.075.324.153
NỢ PHẢI TRẢ				
Tổng nợ phải trả	-	-	-	122.799.751.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

26.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN NĂM 2017 (TIẾP)

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND			
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Doanh thu công trình xây dựng	Cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH				
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	83.704.636.471	2.164.518.375	94.314.429.876	180.183.584.722
- Công ty CP Xây dựng 1369	58.268.436.605	2.164.518.375	94.314.429.876	154.747.384.856
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	25.436.199.866	-	-	25.436.199.866
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội bộ	-	-	-	-
3. Khấu hao	-	-	-	3.487.891.619
- Công ty CP Xây dựng 1369	-	-	-	2.364.839.799
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	-	-	-	1.123.051.820
4. Lợi nhuận gộp	8.313.481.731	346.989.710	7.852.184.880	16.512.656.321
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	3.898.290.603
TÀI SẢN				
6. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	8.037.726.360
- Công ty CP Xây dựng 1369	-	-	-	6.197.180.906
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 - Quảng Bình	-	-	-	1.840.545.454
Tổng tài sản	-	-	-	141.285.144.495
NỢ PHẢI TRẢ				
Tổng nợ phải trả	-	-	-	87.217.073.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

27. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty trong năm 2018 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Phúc Lộc	Ông Lê Minh Tân (Chủ tịch HĐQT của Công ty) giữ chức vụ Giám đốc		
Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương	Ông Lê Minh Tân (Chủ tịch HĐQT của Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT		
Công ty TNHH Toàn Thắng	Ông Lê Minh Tân (Chủ tịch HĐQT của Công ty) giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT		
Công ty TNHH TM và Vận tải Trường Thành	Bà Đào Thị Đằm (Thành viên HĐQT) giữ chức danh Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc		
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu T&T	Ông Lê Minh Tân (Chủ tịch HĐQT của Công ty) giữ chức vụ Giám đốc		
Chi nhánh Công ty CP Xây dựng Đồng Hải Quảng Ninh - XN Đá Thống Nhất Bà Phạm Thị Thế Ông Lê Anh Luân	Hợp tác kinh doanh mỏ đá Phó Giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị		
Thu nhập của Ban Giám đốc			
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc		485.060.000	360.800.000
- Lương và thù lao		485.060.000	360.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

27. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu với bên có liên quan	13.230.759.342	33.448.837.698
- Công ty Cổ phần Xi măng Phúc Lộc	-	238.647.000
- Công ty TNHH Hóa dầu và T&T Hải Dương	54.225.017	14.003.873.182
- Công ty TNHH Toàn Thắng	5.212.265.469	8.655.797.240
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	3.310.800.000	4.110.339.690
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu T&T	4.653.468.856	6.440.180.586
Mua hàng với bên có liên quan	7.126.797.402	10.959.225.045
- Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương	3.847.239.634	4.426.064.055
- Công ty Cổ phần Thương mại XNK T&T	-	659.516.000
- Công ty TNHH Toàn Thắng	3.279.557.768	5.873.644.991
Nhận tiền vay với bên có liên quan	32.955.000.000	17.425.000.000
- Bà Phạm Thị Thế	20.379.000.000	-
- Ông Lê Anh Luân	12.576.000.000	17.425.000.000
Thanh toán tiền vay với bên có liên quan	30.369.000.000	14.674.300.000
- Bà Phạm Thị Thế	19.379.000.000	-
- Ông Lê Anh Luân	10.990.000.000	14.674.300.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng	1.278.426.659	9.940.313.288
- Công ty TNHH Toàn Thắng	-	6.167.507.984
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	1.278.426.659	705.606.659
- Công ty CP Thương mại Xuất khẩu T&T	-	3.067.198.645
Phải trả người bán	2.848.693.490	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	2.848.693.490	-
- Chi nhánh Công ty CP Xây dựng Đồng Hải Quảng Ninh - XN đá Thống Nhất	6.395.849.000	2.051.000.000
Vay với bên liên quan	1.000.000.000	9.281.700.000
- Bà Phạm Thị Thế	1.000.000.000	-
- Ông Lê Anh Luân	10.867.700.000	9.281.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Rủi ro thị trường****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.176.412.894	1.542.083.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.143.302.434	62.590.214.754
Cộng	46.319.715.328	64.132.298.561
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	73.011.041.765	46.757.878.115
Phải trả người bán và phải trả khác	41.105.956.195	22.498.888.390
Cộng	114.116.997.960	69.256.766.505
Trạng thái ròng	(67.797.282.632)	(5.124.467.944)

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến các công cụ tài chính của Công ty là thấp.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập Báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Vay và nợ thuê tài chính	63.265.503.765	9.745.538.000	73.011.041.765
Phải trả người bán và phải trả khác	41.105.956.195	-	41.105.956.195
Cộng	104.371.459.960	9.745.538.000	114.116.997.960
01/01/2018			
Vay và nợ thuê tài chính	41.617.290.115	5.140.588.000	46.757.878.115
Phải trả người bán và phải trả khác	22.498.888.390	-	22.498.888.390
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	64.116.178.505	5.140.588.000	69.256.766.505

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.176.412.894	-	1.176.412.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.143.302.434	12.000.000.000	45.143.302.434
Cộng	34.319.715.328	12.000.000.000	46.319.715.328
01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.542.083.807	-	1.542.083.807
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.590.214.754	12.000.000.000	62.590.214.754
Cộng	52.132.298.561	12.000.000.000	64.132.298.561

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tín dụng (tiếp)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng trích lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Các công cụ tài chính khác

Các công cụ tài chính khác của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn liên quan tới các đối tác kinh doanh và bên liên quan và Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 đã được kiểm toán.

Hải Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Người lập



Trần Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy

Giám đốc




Lê Tuấn Nghĩa